

Số: 257 /QĐ-TTYTTB

Thanh Bình, ngày 03 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành khung chương trình hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp Giấy phép hành nghề tại Trung tâm Y tế Khu vực Thanh Bình

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 21/01/2026 của Bộ Y tế Quy định một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết Định số 99/2025/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế Khu vực Thanh Bình thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp Giấy phép hành nghề đối với chức danh Bác sỹ, Y sỹ, Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Y” tại Trung tâm Y tế Khu vực Thanh Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, thay thế cho các quyết định ban hành trước đây.

Điều 3. Ban Giám đốc và các Khoa, Phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Khoa, Phòng;
- Lưu VT, P. KH-NV.

GIÁM ĐỐC

Trần Anh Khương

PHẦN 1
KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ
ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SỸ
(Kèm theo Quyết định số 257/QĐ-TTYTTB ngày 03/7/2026
của Trung tâm Y tế Khu vực Thanh Bình)

I. Đối tượng, thời gian, tổ chức thực hành:

- Đối tượng: Bác sỹ chưa được cấp giấy phép hành nghề.
- Thời gian thực hành: 12 tháng.
- Địa điểm thực hành: Trung tâm Y tế Khu vực Thanh Bình.

II. Mục tiêu học tập

Trong thời gian học viên đi thực hành tại Trung tâm Y tế phải thực hiện được các chức năng nhiệm vụ của người Bác sỹ dưới sự giám sát của Bác sỹ được phân công hướng dẫn thực hành của khoa với mục tiêu sau:

1. Kiến thức

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị các bệnh thường gặp.
- Phát hiện, chẩn đoán, xử trí và tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.
- Trình bày được nội dung cơ bản các quy trình kỹ thuật.
- Nắm được các quy định pháp luật trong khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp ứng xử...

2. Kỹ năng chuyên môn

- Hỏi bệnh, khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng để đưa ra chẩn đoán các bệnh lý thường gặp.
- Lập kế hoạch điều trị, chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người bệnh.
- Thực hiện được sơ cấp cứu và điều trị bệnh phù hợp với vai trò, chức năng Bác sỹ, đảm bảo quy định kiểm soát nhiễm khuẩn và an toàn người bệnh.
- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh để kê đơn và điều trị.
- Thực hiện được các kỹ thuật chuyên môn cơ bản của Bác sỹ.
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Vận hành, bảo quản các thiết bị chuyên môn liên quan tới công việc đúng quy trình, đúng quy định.

3. Thái độ

- Tuân thủ đúng các quy trình của Pháp luật liên quan và Tiêu chuẩn đạo đức khi thực hành chăm sóc sức khỏe người bệnh.

- Tự giác học tập liên tục để duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và nghề nghiệp.

- Tác phong cẩn thận; tỉ mỉ, trung thực, tôn trọng, hợp tác với người bệnh và đồng nghiệp; đảm bảo an toàn khi chăm sóc người bệnh; chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hành.

- Đảm bảo thời gian học tập và trang phục đúng quy định.

III. Khung chương trình thực hành 12 tháng

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh của Bác sỹ là 12 tháng theo quy định của Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ, được phân bổ như sau:

| Chuyên khoa | Khoa thực hành | Thời gian thực hành | Ghi chú |
|--|--|----------------------|----------|
| 2.1. Đối với Bác sỹ y khoa | | | |
| Hồi sức và cấp cứu | Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc | 03 tháng (480 tiết) | Bắt buộc |
| Nội khoa | Khoa Nội (bao gồm truyền nhiễm) | 03 tháng (480 tiết) | |
| Ngoại khoa | Khoa Ngoại - Phẫu thuật - GMHS | 02 tháng (320 tiết) | |
| Nhi khoa | Khoa Nhi | 02 tháng (320 tiết) | |
| Sản khoa | Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản | 02 tháng (320 tiết) | |
| 2.2. Đối với Bác sỹ y học cổ truyền | | | |
| Hồi sức và cấp cứu | Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc | 03 tháng (480 tiết) | Bắt buộc |
| Y học cổ truyền | Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng | 09 tháng (1440 tiết) | |
| 2.3. Đối với Bác sỹ Răng hàm Mặt | | | |
| Hồi sức và cấp cứu | Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc | 03 tháng (480 tiết) | Bắt buộc |
| Răng Hàm Mặt | Khoa Khám bệnh (bao gồm liên chuyên khoa: Răng Hàm Mặt – Mắt – Tai Mũi Họng) | 09 tháng (1440 tiết) | |

| 2.4. Đối với Bác sỹ y học dự phòng | | | |
|---|--|---------------------|----------|
| Hồi sức và cấp cứu | Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc | 03 tháng (480 tiết) | Bắt buộc |
| Nội khoa | Khoa Nội (bao gồm truyền nhiễm) | 03 tháng (480 tiết) | |
| Ngoại khoa | Khoa Ngoại - Phẫu thuật - GMHS | 01 tháng (160 tiết) | |
| Nhi khoa | Khoa Nhi | 01 tháng (160 tiết) | |
| Sản khoa | Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản | 01 tháng (160 tiết) | |
| Dự phòng | Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS | 03 tháng (480 tiết) | |

*** Lưu ý:

- Học viên sẽ được kiểm tra, đánh giá kỹ năng khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành và sau khi kết thúc thực hành mỗi chuyên khoa.
- Lịch thực hành của học viên sẽ do phòng chuyên môn Trung tâm sắp xếp để phân bố số lượng học viên hợp lý tại các khoa cùng một thời điểm.
- Học viên thực hành luân phiên, tập trung, toàn thời gian thực hành tại các khoa.
- Tại mỗi khoa, học viên tham gia thực hành và trực theo quy định của TTYT.
- Học viên phải tham dự >90% tổng thời lượng chương trình.
- Trường hợp phải dùng thực hành vì lý do sức khỏe hoặc vì các lý do bất khả kháng khác, học viên thực hành được hướng dẫn thực hiện thủ tục xin bảo lưu kết quả thực hành (theo quy định Điều 4 Nghị định 96/2023/CP-ND).

IV. Nội dung và phương pháp giảng dạy

1. Lý thuyết

| CHUYÊN KHOA | CHỦ ĐỀ |
|--------------------|--|
| Hồi sức cấp cứu | <ol style="list-style-type: none"> 1. Cấp cứu ngưng tuần hoàn, hô hấp. 2. Cấp cứu dị vật đường thở. 3. Cấp cứu người bệnh tự sát. 4. Phân loại bệnh: Nhận biết các dấu hiệu nặng của bệnh và lọc bệnh cấp cứu. |

| | |
|--------------|--|
| | <p>5. Tiếp cận chẩn đoán và xử trí các bệnh cấp cứu: Suy hô hấp; Rối loạn tri giác; Sốc; Co giật; Đau bụng cấp; Đau ngực cấp; Ngộ độc, tai nạn (rắn cắn, ong đốt, ngạt nước, điện giật)...</p> <p>6. Tiếp cận chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân bỏng.</p> <p>7. Tiếp cận chẩn đoán và xử trí bệnh ngoại khoa: chấn thương, bụng ngoại khoa.</p> <p>8. Các xử trí cơ bản bệnh nhân cấp cứu tại tuyến cơ sở.</p> |
| Nội khoa | <p>1. Tiếp cận chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Nội tim mạch: Tăng huyết áp; Bệnh lý mạch vành; Suy tim; Rối loạn nhịp tim; Bệnh lý van tim.</p> <p>2. Tiếp cận chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Nội tiêu hóa: Xơ gan; Loét dạ dày tá tràng; Viêm tụy cấp; Xuất huyết tiêu hóa do loét dạ dày tá tràng; Xuất huyết tiêu hóa dưới; Viêm dạ dày HP (+); Tiêu chảy; Trào ngược dạ dày – thực quản.</p> <p>3. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Nội hô hấp: Bệnh lý viêm nhiễm đường hô hấp trên và dưới; Giãn phế quản; Ho ra máu; Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính; Hen phế quản.</p> <p>4. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Nội thần kinh: Động kinh; Đột quỵ thiếu máu não; Bệnh lý thần kinh ngoại vi.</p> <p>5. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Nội tiết thận: Đái tháo đường; Hội chứng thận hư; Nhiễm trùng tiểu; Hạ đường huyết; Viêm cầu thận cấp; Bệnh lý tuyến giáp; Bệnh lý tuyến thượng thận.</p> <p>6. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân truyền nhiễm: Sốt xuất huyết; Bệnh Tay chân miệng; Sởi; Thủy đậu; Viêm gan.</p> |
| Ngoại khoa | <p>1. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân tổng quát: Vết thương phần mềm.</p> <p>2. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Ngoại thần kinh: chấn thương đầu, chấn thương cột sống và chấn thương thần kinh ngoại biên...</p> <p>3. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Ngoại niệu: Sỏi niệu, Bướu tiền liệt tuyến, nhiễm khuẩn đường tiết niệu và cấp cứu niệu khoa, điều trị chấn thương hệ niệu.</p> |
| Sản phụ khoa | <p>1. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Sản khoa: Quản lý thai kỳ - thực hiện khám thai đầy đủ 09 bước; Phân loại thai kỳ có nguy cơ cao; Theo dõi chuyên dạ sinh thường; Chẩn đoán chuyển dạ bất thường; Phòng ngừa các tai biến sản khoa thường gặp (Băng huyết sau sinh; Tiền sản giật- sản giật; Vỡ tử cung; Nhiễm khuẩn; hậu sản; hậu phẫu,...); Đỡ sanh thường sản phụ ngôi chỏm; Cắt may tầng sinh môn; Hồi sức sơ sinh ban đầu.</p> <p>2. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Phụ khoa - Kế hoạch hoá gia đình; Xuất huyết tử cung bất thường (AUB); Sảy thai: U xơ tử cung; U buồng trứng; Viêm sinh dục; Tầm soát và</p> |

| | |
|---------------------------------------|--|
| | phát hiện sớm ung thư cổ tử cung; Phá thai nội khoa; Thai ngoài tử cung; Viêm vùng chậu, áp xe phần phụ; Tư vấn các phương pháp ngừa thai; Khám và tầm soát ung thư vú. |
| Nhi khoa | <ol style="list-style-type: none"> 1. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhi: Viêm hô hấp trên: Viêm tiểu phế quản; Viêm phổi; Hen phế quản. 2. Khám, đánh giá và phân loại trẻ sơ sinh; Vàng da sơ sinh; Nhiễm trùng sơ sinh; Suy hô hấp ở trẻ sơ sinh. 3. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhi: Sốt xuất huyết; Bệnh tay chân miệng; Quai bị; Thủy đậu. 4. Lọc bệnh cấp cứu trẻ em. 5. Các bệnh lý tiêu hoá thường gặp. 6. Tiếp cận chẩn đoán xử trí bệnh tim bẩm sinh, suy tim. |
| Răng hàm mặt | Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân có bệnh lý về răng hàm mặt: Nhổ răng, trám răng, viêm nướu, nha chu viêm, rối loạn khớp thái dương - hàm, các bệnh lý thường gặp ở vùng Răng hàm mặt. |
| Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng | <p>Điều trị và chăm sóc bệnh nhân bằng phương pháp y học cổ truyền: Điện châm và xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vai gáy, liệt nửa người do tai biến mạch máu não, liệt dây thần kinh số VII ngoại biên, viêm quanh khớp vai,...</p> <p>Điều trị và chăm sóc bệnh nhân bằng phục hồi chức năng: Tập vận động; Thụ động, trợ giúp, đề kháng. Tập vật lý trị liệu hô hấp; Tập vật lý trị liệu chỉnh hình; Hoạt động trị liệu; Điện trị liệu.</p> |
| Y học dự phòng | <p>Khám sàng lọc tiêm chủng.</p> <p>Tiếp nhận và xử trí các ổ dịch lớn, nhỏ trong cộng đồng.</p> <p>Quản lý các chương trình phòng chống dịch bệnh: lao, phong, HIV,...</p> <p>Quản lý, giám sát, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng.</p> <p>Tư vấn sức khoẻ, dinh dưỡng.</p> <p>Truyền thông giáo dục sức khoẻ.</p> |

Phương pháp dạy học: Học viên thực hành xem bài lý thuyết trước, sau đó sẽ trao đổi với người hướng dẫn trong lúc đi thăm khám lâm sàng, tạo điều kiện gắn lý thuyết với thực hành lâm sàng.

Lồng ghép các buổi tập huấn các quy định Pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, An toàn người bệnh, Kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

| STT | Phòng | Nội dung tập huấn |
|-----|----------------------------|---|
| 1 | Phòng Tổ chức - Hành chính | Tập huấn quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh |

| | | |
|---|---|---|
| 2 | Phòng Điều dưỡng (bao gồm Công tác xã hội) | Tập huấn an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh |
| 3 | Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ (bao gồm Quản lý chất lượng) | Tập huấn quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề khám bệnh chữa bệnh |

2. Thực hành

2.1. Phân công người hướng dẫn

- Người đứng đầu cơ sở hướng dẫn thực hành phân công người hướng dẫn thực hành cho học viên thực hành theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.

- Trường hợp có nhiều người hướng dẫn thực hành cho một học viên thực hành thì phải phân công rõ phạm vi hướng dẫn và thời gian hướng dẫn thực hành cụ thể của từng người hướng dẫn.

2.2. Nhiệm vụ của các khoa lâm sàng và người hướng dẫn thực hành

*** Khoa lâm sàng**

- Hướng dẫn nội quy của khoa phòng ngày đầu tiên học viên đến học thực hành tại khoa.

- Phân công Bác sỹ hướng dẫn thực hành theo quyết định của Trung tâm Y tế.

- Quản lý học viên thực hành trong giờ thực hành, chấm công, chấm trực hàng ngày, hướng dẫn, giám sát học viên thực hành.

- Xây dựng kế hoạch và nội dung hướng dẫn thực hành cho Bác sỹ thực hành.

*** Người hướng dẫn thực hành**

- Tuân thủ sự phân công hướng dẫn thực hành của Trung tâm Y tế.

- Phân công học viên thực hành phụ trách một số giường bệnh để theo dõi, học viên thực hành báo cáo ca bệnh mỗi ngày tại giường bệnh cho bác sỹ hướng dẫn thực hành phụ trách người bệnh. Bác sỹ điều trị sẽ giảng dạy lý thuyết, kinh nghiệm lâm sàng và phản hồi tại giường bệnh mỗi ngày.

- Đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành. Chịu trách nhiệm trong trường hợp người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh do lỗi của người hướng dẫn thực hành.

- Trong trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn người hướng dẫn thực hành được từ chối hướng dẫn thực hành và phải báo cáo người đứng đầu cơ sở hướng dẫn thực hành.

- Theo dõi, đánh giá và nhận xét về kết quả quá trình học tập của học viên thực hành theo nội dung đã được phân công và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình.

2.3. Nhiệm vụ của học viên thực hành

- Tuân thủ nội quy, quy chế chuyên môn của Trung tâm Y tế và khoa thực hành.

- Đảm bảo ngày giờ, chủ động tích cực học tập, thực hiện đúng quy trình kỹ thuật chuyên môn.

- Đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành, giữ bí mật thông tin của người bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành.

- Thực hiện các nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh. Nộp đầy đủ chi phí thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo thỏa thuận trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh với cơ sở hướng dẫn thực hành.

- Học viên thực hành không được ký đơn thuốc, ký tên trong hồ sơ bệnh án điều trị. Không được tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật khi chưa được người hướng dẫn thực hành cho phép.

- Học viên thực hành tham gia trực theo quy định tại Trung tâm Y tế trong suốt thời gian học.

- Học viên thực hành thực hiện các hoạt động nghề nghiệp trong mục tiêu học tập, trên các bệnh lý và các thủ thuật cơ bản theo yêu cầu và dưới sự giám sát của bác sĩ hướng dẫn thực hành.

- Viết báo cáo kết quả quá trình thực hành, xác nhận của người hướng dẫn thực hành trước khi kết thúc thời gian thực hành tại khoa.

- Mỗi học viên phải chuẩn bị 01 quyển sổ ghi chép đầy đủ nhật ký giảng dạy, kiến thức lâm sàng.

Bảng 1: Danh mục kỹ thuật chuyên môn kỹ thuật áp dụng cho Bác sĩ Y khoa, Bác sĩ y học dự phòng.

| STT | DANH MỤC KỸ THUẬT | CHỈ TIÊU | GHI CHÚ |
|------------|---|-----------------|----------------|
| 1 | Thở oxy | 10 | |
| 2 | Kỹ thuật phun khí dung | 2 | |
| 3 | Kỹ thuật sử dụng bình hít định liều có hoặc không kèm buồng đệm | 2 | |
| 4 | Đặt nội khí quản | 1 | |
| 5 | Băng ép, garo cầm máu | 2 | |
| 6 | Cố định tạm thời người bệnh gãy xương | 2 | |
| 7 | Bất động cột sống cổ bằng nẹp cứng | 2 | |
| 8 | Vận chuyển người bệnh an toàn | 2 | |

| | | | |
|----|--|---|--|
| 9 | Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp | 1 | |
| 10 | Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu | 1 | |
| 11 | Chọc dò dịch màng phổi, chọc hút khí màng phổi | 1 | |
| 12 | Ghi điện tim cấp cứu tại giường | 5 | |
| 13 | Đỡ đẻ thường ngôi chòm | 1 | |
| 14 | Cắt và khâu tầng sinh môn | 1 | |
| 15 | Khám thai | 5 | |
| 16 | Bóc nang tuyến Bartholin | 1 | |
| 17 | Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo | 1 | |
| 18 | Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo | 1 | |
| 19 | Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung | 2 | |
| 20 | Khám phụ khoa | 5 | |
| 21 | Làm thuốc âm đạo | 5 | |
| 23 | Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ | 2 | |
| 24 | Kiểm soát tử cung | 5 | |
| 25 | Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn | 1 | |
| 26 | Khám sơ sinh | 2 | |
| 27 | Chăm sóc rốn sơ sinh | 2 | |
| 28 | Khâu vết thương phần mềm dài <10 cm và >10 cm | 1 | |
| 29 | Cắt lọc, khâu vết thương da đầu | 1 | |
| 30 | Băng bó vết thương | 5 | |
| 31 | Thay băng điều trị vết thương mạn tính | 5 | |
| 32 | Sơ cứu bọng đường hô hấp | 1 | |
| 33 | Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) | 1 | |
| 34 | Đặt ống thông dạ dày | 1 | |
| 35 | Rửa dạ dày cấp cứu | 1 | |
| 36 | Thụt tháo | 2 | |
| 37 | Thông tiểu | 2 | |
| 38 | Đo lượng nước tiểu trong 24 giờ | 2 | |
| 39 | Chăm sóc theo dõi ống thông tiểu | 2 | |
| 40 | Thay băng trên người bệnh đái tháo đường | 2 | |
| 41 | Hướng dẫn kỹ thuật tiêm insulin | 2 | |
| 42 | Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt | 1 | |

| | | | |
|----|---|----|--|
| 43 | Sơ cứu vết thương vùng hàm mặt | 1 | |
| 44 | Cấp cứu bỏng mắt ban đầu | 1 | |
| 45 | Cầm máu mũi bằng merocel | 1 | |
| 46 | Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu | 1 | |
| 47 | Khám nam khoa | 2 | |
| 48 | Cắt chỉ khâu da | 5 | |
| 49 | Khám bệnh nhân bỏng, chẩn đoán diện tích và độ sâu bỏng bằng lâm sàng | 1 | |
| 50 | Cấp cứu bệnh nhân tự sát | 1 | |
| 51 | Xử trí bệnh nhân kích động | 1 | |
| 52 | Xử trí trạng thái bồn chồn, bất an do thuốc hướng thần | 1 | |
| 53 | Xử trí trạng thái sảng rượu | 1 | |
| 54 | Xử trí dị ứng thuốc hướng thần | 1 | |
| 55 | Cắt chỉ sau phẫu thuật | 5 | |
| 56 | Băng bó vết thương | 5 | |
| 57 | Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn | 1 | |
| 58 | Bóng bóng Ambu qua mặt nạ | 2 | |
| 59 | Test dưới da với thuốc | 5 | |
| 60 | Thay băng vết mổ | 5 | |
| 61 | Thay băng, cắt chỉ | 5 | |
| 62 | Theo dõi độ bão hoà oxy (SPO2) | 5 | |
| 63 | Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy | 5 | |
| 64 | Theo dõi thân nhiệt bằng máy | 5 | |
| 65 | Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường quy | 5 | |
| 66 | Tiêm bắp thịt | 5 | |
| 67 | Tiêm dưới da | 5 | |
| 68 | Tiêm trong da | 5 | |
| 69 | Tiêm truyền thuốc | 5 | |
| 70 | Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật | 10 | |
| 71 | Truyền dịch thường quy | 5 | |
| 72 | Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiểu phẫu hoặc buồng bệnh | 10 | |
| 73 | Xoa bóp đầu mặt cổ, vai gáy, tay | 10 | |

| | | | |
|----|--------------------------------------|----|--|
| 74 | Xoa bóp lưng, chân | 10 | |
| 75 | Xử lý tại chỗ kỳ đầu tổn thương bỏng | 5 | |

Bảng 2: Danh mục kỹ thuật chuyên môn kỹ thuật áp dụng cho Bác sỹ Răng hàm mặt

| STT | DANH MỤC KỸ THUẬT | CHỈ TIÊU | GHI CHÚ |
|-----|--|----------|---------|
| | A. RĂNG | | |
| 1 | Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại | 1 | |
| 2 | Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite | 1 | |
| 3 | Chích áp xe lợi | 10 | |
| 4 | Lấy cao răng | 10 | |
| 5 | Điều trị tuỷ lại | 2 | |
| 6 | Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite | 10 | |
| 7 | Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cerment | 10 | |
| 8 | Phục hồi cổ răng bằng Glasslonomer Cement | 10 | |
| 9 | Phục hồi cổ răng bằng Composite | 10 | |
| 10 | Mài chỉnh khớp răng | 10 | |
| 11 | Nhổ răng vĩnh viễn | 50 | |
| 12 | Nhổ răng vĩnh viễn lung lay | 50 | |
| 13 | Nhổ chân răng vĩnh viễn | 50 | |
| 14 | Nhổ răng thừa | 20 | |
| 15 | Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp | 5 | |
| 16 | Trám bít hố rãnh bằng Glasslonomer Cement | 5 | |
| 17 | Điều trị răng sữa viêm tuỷ có hồi phục | 5 | |
| 18 | Điều trị tuỷ răng sữa | 5 | |
| 19 | Điều trị răng sâu sữa ngà phục hồi Glasslonomer Cement | 5 | |
| 20 | Nhổ răng sữa | 20 | |
| 21 | Nhổ chân răng sữa | 20 | |
| 22 | Chích áp xe lợi trẻ em | 10 | |
| | B. HÀM MẶT | | |
| 23 | Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm | 3 | |

| | | | |
|----|---|---|--|
| 24 | Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt | 5 | |
| 25 | Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt | 5 | |
| 26 | Nắn sai khớp thái dương hàm | 2 | |
| 27 | Chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt | 2 | |

Bảng 3: Danh mục kỹ thuật chuyên môn kỹ thuật áp dụng cho Bác sỹ Y học cổ truyền

| STT | DANH MỤC KỸ THUẬT | CHỈ TIÊU | GHI CHÚ |
|-----|--|----------|---------|
| 1 | Hào châm | 10 | |
| 2 | Điện châm | 10 | |
| 3 | Thủy châm | 5 | |
| 4 | Cấy chỉ | 5 | |
| 5 | Điện châm liệt nửa người sau đột quy | 10 | |
| 6 | Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não | 5 | |
| 7 | Cấy chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não | 5 | |
| 8 | Điện châm điều trị đau thần kinh tọa | 10 | |
| 9 | Thủy châm điều trị đau thần kinh tọa | 5 | |
| 10 | Cấy chỉ điều trị đau thần kinh tọa | 5 | |
| 11 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh tọa | 5 | |
| 12 | Điện châm điều trị thoái hoá cột sống | 10 | |
| 13 | Thủy châm điều trị thoái hoá cột sống | 5 | |
| 14 | Cấy chỉ hỗ trợ điều trị thoái hoá cột sống | 5 | |
| 15 | Cấy chỉ hỗ trợ điều trị thoái hoá cột sống | 5 | |
| 16 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị thoái hoá cột sống | 5 | |
| 17 | Điện châm điều trị liệt VII ngoại biên | 5 | |
| 18 | Thủy châm điều trị liệt VII ngoại biên | 5 | |
| 19 | Cấy chỉ điều trị liệt VII ngoại biên | 5 | |
| 20 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt VII ngoại biên | 5 | |
| 21 | Điện châm điều trị tăng huyết áp | 5 | |
| 22 | Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp | 5 | |
| 23 | Điện châm điều trị đau do thoái hoá khớp | 5 | |
| 24 | Thủy châm điều trị đau do thoái hoá khớp | 5 | |

| | | | |
|----|--|---|--|
| 25 | Cây chỉ điều trị đau do thoái hoá khớp | 5 | |
| 26 | Xoa bóp điều trị đau do thoái hoá khớp | 5 | |
| 27 | Điện châm điều trị hội chứng cánh tay cổ | 5 | |
| 28 | Cây chỉ điều trị hội chứng cánh tay cổ | 5 | |
| 29 | Thuỷ châm điều trị hội chứng cánh tay cổ | 5 | |
| 30 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng cánh tay cổ | 5 | |
| 31 | Xoa bóp bấm huyệt | 5 | |

3. Đánh giá kỹ năng (phụ lục kèm theo)

V. Lượng giá học viên thực hành

1. Điều kiện thi kết thúc thời gian thực hành: Khi đạt đủ 2 điều kiện sau:

- Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và đi thực hành đầy đủ (mỗi khoa chỉ được phép vắng 1 buổi với lý do phù hợp).
- Đạt trên 70% chỉ tiêu danh mục chỉ tiêu đề ra.

2. Thi lượng giá kết thúc thực hành: Bộc thăm và tiến hành thăm khám, phân tích trực tiếp 01 bệnh nhân tại khoa (vừa đánh giá lý thuyết vừa đánh giá thực hành dựa trên kỹ năng) (phụ lục kèm theo).

3. Điều kiện hoàn thành thời gian thực hành: Kết quả thi lượng giá kết thúc thực hành ≥ 5 điểm.

Tài liệu tham khảo

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Quyết định số 1678/QQĐ-SYT của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/3/2024.
- Chương trình thực hành 12 tháng để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh bác sỹ y khoa của Bệnh viện Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh (Tài liệu "Hội nghị tập huấn trực tuyến Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản quy định chi tiết của Luật Khám bệnh, chữa bệnh" do Cục quản Lý khám, chữa bệnh tổ chức theo Giấy mời số 224/GM-KCB ngày 17/06/2024).

PHỤ LỤC
ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG

| STT | KỸ NĂNG | MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH | | | | |
|----------|---|--------------------------------|---|---|---|---|
| 1 | Hỏi bệnh sử và khám thực thể | | | | | |
| 1.1 | Thu thập bệnh sử đầy đủ, chính xác và sắp xếp theo trình tự thời gian, tổng trường hợp có cấp cứu phải hỏi ngắn gọn, đúng trọng tâm | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1.2 | Chọn lọc được các thông tin giá trị | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1.3 | Sử dụng được ngôn ngữ vùng miền trong hỏi bệnh sử | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1.4 | Khám đầy đủ, chính xác, phù hợp với lý do đi khám theo trình tự hợp lý | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1.5 | Phát hiện những dấu hiệu bất thường khi khám và mô tả, ghi nhận trong hồ sơ | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1.6 | Đảm bảo an toàn, tạo sự thoải mái và tôn trọng sự riêng tư của người bệnh trong lúc khám | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 2 | Chẩn đoán và chẩn đoán phân biệt | | | | | |
| 2.1 | Tổng hợp thông tin từ bệnh sử, khám thực thể, hồ sơ từ tuyến trước (nếu có) để đưa ra chẩn đoán ban đầu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 2.2 | Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt dựa trên kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, biện luận lâm sàng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 2.3 | Giải thích cho người bệnh và hội chẩn với đồng nghiệp trong trường hợp các chẩn đoán ban đầu chưa rõ ràng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 3 | Chỉ định và phân tích kết quả xét nghiệm hỗ trợ chẩn đoán | | | | | |
| 3.1 | Chỉ định các xét nghiệm phù hợp và giải thích được lý do | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 3.2 | Cân nhắc chi phí, hiệu quả trong chỉ định xét nghiệm và thông tin cho người bệnh biết chi phí xét nghiệm | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 3.3 | Giải thích kết quả và giá trị của các xét nghiệm (tình huống khẩn cấp và không khẩn cấp) | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 4 | Kê đơn thuốc | | | | | |

| | | | | | | |
|----------|--|---|---|---|---|---|
| 4.1 | Kê đơn phù hợp với quy chế kê đơn của Bộ y tế | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 4.2 | Kê đơn theo phác đồ hiện hành | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 4.3 | Nhận biết và sử dụng được các nguồn thông tin để kê đơn an toàn | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 5 | Ghi chép hồ sơ bệnh án | | | | | |
| 5.1 | Ghi thông tin người bệnh chính xác, đúng thời điểm thăm khám và dễ đọc | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 5.2 | Tuân thủ quy chế hồ sơ bệnh án | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 5.3 | Ghi chính xác các dữ liệu trong việc ra quyết định chẩn đoán và điều trị (dấu hiệu diễn tiến lâm sàng và cận lâm sàng, ý kiến chuyên gia, mong muốn của người bệnh, nhà) | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 6 | Báo cáo tình trạng của người bệnh | | | | | |
| 6.1 | Báo cáo thông tin đã thu nhập, chỉ ra thông tin nào xác thực và thông tin nào chưa chắc chắn | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 6.2 | Báo cáo bằng lời ngắn gọn, chính xác và mạch lạc | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 6.3 | Đảm bảo người trình bày và người nghe đều hiểu như nhau về tình trạng của người bệnh | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 7 | Truy cập và sử dụng tài liệu y học chứng cứ | | | | | |
| 7.1 | Sử dụng công nghệ thông tin truy cập tài liệu có giá trị và tin cậy dựa vào y học chứng cứ | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 7.2 | Lý luận và áp dụng nguồn thông tin tin cậy truy cập được vào chăm sóc và điều trị người bệnh | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 7.3 | Trao đổi với đồng nghiệp trong nhóm chăm sóc và thân nhân về nguồn thông tin truy cập được để thống nhất trong quá trình điều trị | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 8 | Bàn giao và tiếp nhận người bệnh | | | | | |
| 8.1 | Bàn giao trực tiếp, bàn giao trên hồ sơ những diễn biến mới nhất của người bệnh | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 8.2 | Tóm tắt ngắn gọn mức độ nặng của người bệnh, những vấn đề cần lưu ý, kế hoạch xử trí | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 8.3 | Trao đổi, đặt câu hỏi làm rõ thông tin được bàn giao | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 9 | Làm việc nhóm | | | | | |

| | | | | | | |
|-----------|---|---|---|---|---|---|
| 9.1 | Xác định rõ vai trò và trách nhiệm của mỗi thành viên đối với mỗi nhiệm vụ | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 9.2 | Trao đổi và thái độ tôn trọng, tự trọng, trung thực, tạo điều kiện để thành viên nhóm tham gia trao đổi thông tin | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 9.3 | Biết lắng nghe khi trao đổi với các thành viên nhóm | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 9.4 | Điều chỉnh nội dung và cách diễn đạt để phù hợp với từng thành viên nhóm | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 9.5 | Hiểu rõ vai trò, giới hạn của bản thân và tìm trợ giúp từ những thành viên khác nhằm tối ưu hoá việc chăm sóc sức khoẻ người bệnh | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 9.6 | Sẵn sàng giúp đỡ khi đồng nghiệp cần | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 9.7 | Đặt mục tiêu chăm sóc người bệnh của nhóm lên nhóm cao nhất | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 10 | Nhận biết các tình huống cấp cứu, đánh giá và xử trí ban đầu | | | | | |
| 10.1 | Xác định được tình trạng cấp cứu người bệnh | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 10.2 | Xác định các nguyên nhân có thể gây ra tình trạng nặng của người bệnh | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 10.3 | Hỏi sức cơ bản thành thạo | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 11 | Giải thích, tư vấn, để tạo sự đồng thuận của người bệnh hoặc người thân trước khi làm xét nghiệm, thủ thuật, phẫu thuật | | | | | |
| 11.1 | Hiểu rõ chỉ định, lợi ích, rủi ro, nguy cơ biến chứng và lựa chọn thay thế của thủ thuật | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 11.2 | Thông tin cho người bệnh và gia đình, đảm bảo họ hiểu rõ chỉ định, lợi ích, rủi ro, nguy cơ biến chứng và lựa chọn thay thế | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 11.3 | Ghi lại các thảo luận và lưu trữ giấy cam kết đồng thuận trong hồ sơ bệnh án | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 12 | Thực hiện thủ thuật, kỹ thuật cơ bản trong các chuyên khoa cơ bản | | | | | |
| 12.1 | Thực hiện được các thủ thuật, kỹ thuật cơ bản | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 12.2 | Giải thích cho người bệnh nhân và thân nhân trước và sau khi tiến hành các thủ thuật, kỹ thuật kể trên | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 13 | Phát hiện lỗi cá nhân và hệ thống, giúp cải thiện an toàn trong chăm sóc người bệnh | | | | | |
| 13.1 | Phát hiện được sai sót trong hệ thống y tế (sự cố y khoa và lỗi tiềm ẩn) | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |

| | | | | | | |
|------|---|---|---|---|---|---|
| 13.2 | Dám nói khi thấy có sai sót hoặc lỗi tiềm ẩn | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 13.3 | Biết nhận ra sai sót của bản thân và có kế hoạch cải tiến | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |

Ghi chú:

- (1) Rất kém
- (2) Kém
- (3) Trung bình
- (4) Tốt
- (5) Rất tốt

PHẦN 2
KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ
ĐỐI VỚI CHỨC DANH Y SỸ

*(Kèm theo Quyết định số 257/QĐ-TTYTTB ngày 03/7/2026
của Trung tâm Y tế Khu vực Thanh Bình)*

I. Đối tượng, thời gian, tổ chức thực hành:

- Đối tượng: Y sỹ chưa được cấp giấy phép hành nghề.
- Thời gian thực hành: 09 tháng.
- Địa điểm thực hành: Trung tâm Y tế Khu vực Thanh Bình.

II. Mục tiêu học tập

Trong thời gian học viên đi thực hành tại Trung tâm Y tế phải thực hiện được các chức năng nhiệm vụ của người Y sỹ dưới sự giám sát của Bác sỹ được phân công hướng dẫn thực hành của khoa với mục tiêu sau:

1. Kiến thức:

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thông thường tuyến cơ sở.
- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.
- Sử dụng và bảo quản được vật liệu, dụng cụ, thiết bị thuộc chuyên ngành y.
- Thực hiện công tác điều dưỡng cơ bản tại các cơ sở y tế, điều trị.
- Thực hiện công tác chăm sóc và giáo dục sức khỏe ban đầu ở cộng đồng, khám định kỳ, phát hiện sớm một số bệnh lý thông thường và tình trạng bất thường để xử trí hoặc chuyển tuyến trên.
- Tham gia các lớp đào tạo liên tục về chuyên ngành y và có khả năng tự học.
- Nắm được các quy định pháp luật trong khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp ứng xử...

2. Kỹ năng chuyên môn:

- Thực hiện thành thạo các quy trình kỹ thuật cơ bản.
- Khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý cơ bản.
- Xử trí ban đầu một số bệnh cấp cứu.
- Thực hiện được các kỹ thuật chuyên môn cơ bản của Y sỹ.
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Vận hành, bảo quản các thiết bị chuyên môn liên quan tới công việc đúng quy trình, đúng quy định.

3. Thái độ:

- Tuân thủ đúng các quy trình của Pháp luật liên quan và Tiêu chuẩn đạo đức khi thực hành chăm sóc sức khỏe người bệnh.
- Tự giác học tập liên tục để duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và nghề nghiệp.
- Tác phong cẩn thận; tỉ mỉ, trung thực, tôn trọng, hợp tác với người bệnh và đồng nghiệp; đảm bảo an toàn khi chăm sóc người bệnh; chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hành.
- Đảm bảo thời gian học tập và trang phục đúng quy định.

III. Khung chương trình thực hành 09 tháng

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh của Y sỹ là 09 tháng theo quy định của Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ, được phân bổ như sau:

| Chuyên khoa | Khoa thực hành | Thời gian | Ghi chú |
|--|--|--------------------|----------|
| 2.1. Đối với Y sỹ (Y sỹ đa khoa, Cao đẳng y sỹ) | | | |
| Hồi sức cấp cứu | Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc | 3 tháng (480 tiết) | Bắt buộc |
| Nội khoa | Khoa Nội (bao gồm truyền nhiễm) | 2 tháng (320 tiết) | |
| Ngoại khoa | Khoa Ngoại - Phẫu thuật - GMHS | 2 tháng (32) tiết) | |
| Sản phụ khoa | Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản | 1 tháng (160 tiết) | |
| Nhi khoa | Khoa Nhi | 1 tháng (160 tiết) | |
| 2.2. Đối với Y sỹ y học cổ truyền | | | |
| Hồi sức và cấp cứu | Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc | 3 tháng (480 tiết) | Bắt buộc |
| Chuyên khoa | Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng | 6 tháng (960 tiết) | |

*** Lưu ý:

- Học viên sẽ được kiểm tra, đánh giá kỹ năng khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành hàng ngày và sau khi kết thúc thực hành mỗi chuyên khoa.
- Lịch thực hành của học viên sẽ do phòng chuyên môn Trung tâm sắp xếp để phân bổ số lượng học viên hợp lý tại các khoa cùng một thời điểm.
- Học viên thực hành luân phiên, tập trung, toàn thời gian thực hành tại các khoa.

- Tại mỗi khoa, học viên tham gia thực hành và trực theo quy định của TTYT.

- Học viên phải tham dự >90% tổng thời lượng chương trình.

- Trường hợp phải dùng thực hành vì lý do sức khỏe hoặc vì các lý do bất khả kháng khác, người thực hành được hướng dẫn thực hiện thủ tục xin bảo lưu kết quả thực hành (theo quy định Điều 4 Nghị định 96/2023/CP-ND).

V. Nội dung và phương pháp giảng dạy

1. Lý thuyết

| STT | TÊN MÔN HỌC |
|-----|---------------------------------------|
| 1 | Bệnh học nội khoa |
| 2 | Bệnh học ngoại khoa |
| 3 | Bệnh học nhi khoa |
| 4 | Bệnh học sản phụ khoa |
| 5 | Bệnh truyền nhiễm-xã hội |
| 6 | Y học cổ truyền |
| 7 | Thực tập lâm sàng kỹ thuật điều dưỡng |
| 8 | Thực tập lâm sàng nội khoa |
| 9 | Thực tập lâm sàng ngoại khoa |
| 10 | Thực tập lâm sàng nhi khoa |
| 11 | Thực tập lâm sàng sản phụ khoa |
| 12 | Thực tập lâm sàng bệnh truyền nhiễm |
| 13 | Thực tập lâm sàng y học cổ truyền |

Lồng ghép các buổi tập huấn các quy định Pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, An toàn người bệnh, Kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

| STT | Phòng | Nội dung tập huấn |
|-----|---|---|
| 1 | Phòng Tổ chức - Hành chính | Tập huấn quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh |
| 2 | Phòng Điều dưỡng (bao gồm Công tác xã hội) | Tập huấn an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh |
| 3 | Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ (bao gồm Quản lý chất lượng) | Tập huấn quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề khám bệnh chữa bệnh |

2. Thực hành

2.1. Phân công người hướng dẫn

- Người đứng đầu cơ sở hướng dẫn thực hành phân công người hướng dẫn thực hành cho học viên thực hành theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.

- Trường hợp có nhiều người hướng dẫn thực hành cho một học viên thực hành thì phải phân công rõ phạm vi hướng dẫn và thời gian hướng dẫn thực hành cụ thể của từng người hướng dẫn.

2.2. Nhiệm vụ của các khoa lâm sàng và người hướng dẫn thực hành

*** Khoa lâm sàng:**

- Hướng dẫn nội quy của khoa phòng ngay đầu tiên học viên đến học thực hành tại khoa.

- Phân công Bác sỹ hướng dẫn thực hành theo quyết định của Trung tâm Y tế.

- Quản lý học viên trong giờ thực hành, chấm công, chấm trực hàng ngày, hướng dẫn, giám sát học viên thực hành.

- Xây dựng kế hoạch và nội dung hướng dẫn thực hành cho Y sỹ (Y sỹ đa khoa, Cao đẳng Y sỹ) thực hành.

*** Người hướng dẫn thực hành:**

- Tuân thủ sự phân công hướng dẫn thực hành của Trung tâm Y tế.

- Đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành. Chịu trách nhiệm trong trường hợp học viên thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh do lỗi của người hướng dẫn thực hành.

- Trong trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn người hướng dẫn thực hành được từ chối hướng dẫn thực hành và phải báo cáo người đứng đầu cơ sở hướng dẫn thực hành.

- Theo dõi, đánh giá và nhận xét về kết quả thực hành của học viên thực hành theo nội dung đã được phân công và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình.

2.3. Nhiệm vụ của học viên thực hành

- Tuân thủ nội quy, quy chế chuyên môn của Trung tâm Y tế và khoa thực hành.

- Đảm bảo ngày giờ công, chủ động tích cực học tập, thực hiện đúng quy trình kỹ thuật chuyên môn.

- Đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành, giữ bí mật thông tin của người bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành.

- Thực hiện các nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh. Nộp đầy đủ chi phí thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo thỏa thuận trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh với cơ sở hướng dẫn thực hành.

- Học viên thực hành không được ký đơn thuốc, ký tên trong hồ sơ bệnh án điều trị. Không được tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật khi chưa được người hướng dẫn thực hành cho phép.

- Viết báo cáo kết quả quá trình thực hành, xác nhận của người hướng dẫn thực hành trước khi kết thúc thời gian thực hành tại khoa.

- Mỗi học viên phải chuẩn bị 01 quyển sổ ghi chép đầy đủ nhật ký giảng dạy, kiến thức lâm sàng.

3. Đánh giá kỹ năng

- Do người hướng dẫn thực hành tại khoa đánh giá theo phụ lục X (đối với Y sỹ đa khoa) và phụ lục XI (đối với Y sỹ YHCT) trong Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

V. Lượng giá học viên thực hành

1. Điều kiện thi kết thúc thời gian thực hành: *Khi đạt đủ 2 điều kiện sau:*

- Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và đi thực hành đầy đủ (mỗi khoa chỉ được phép vắng 01 buổi với lý do phù hợp).

- Đạt trên 70% chỉ tiêu danh mục chỉ tiêu đề ra.

2. Thi lượng giá kết thúc thực hành: Bốc thăm và tiến hành thăm khám, phân tích trực tiếp 01 bệnh nhân tại khoa (vừa đánh giá lý thuyết vừa đánh giá thực hành).

3. Điều kiện hoàn thành thời gian thực hành: Kết quả thi lượng giá kết thúc thực hành ≥ 5 điểm.

Tài liệu tham khảo

- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Chương trình đào tạo tình độ trung cấp ngành: y sỹ đa khoa trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

PHẦN 3
KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ
ĐỐI VỚI CHỨC DANH ĐIỀU DƯỠNG
(Kèm theo Quyết định số 257/QĐ-TTYTTB ngày 03/7/2026
của Trung tâm Y tế Khu vực Thanh Bình)

I. Đối tượng, thời gian, tổ chức thực hành:

- Đối tượng: Điều dưỡng chưa được cấp giấy phép hành nghề hoặc cần thay đổi chức danh chuyên môn.
- Thời gian thực hành: 06 tháng.
- Địa điểm thực hành: Trung tâm Y tế Khu vực Thanh Bình.

II. Mục tiêu học tập:

Trong thời gian học viên đi thực hành tại Trung tâm Y tế phải thực hiện được các chức năng nhiệm vụ của người Điều dưỡng dưới sự giám sát của Điều dưỡng được phân công hướng dẫn thực hành của khoa với mục tiêu sau:

1. Kiến thức:

- Nắm được các bước, quy trình của Điều dưỡng.
- Nắm được các quy định về quản lý, vận hành bảo dưỡng và sử dụng các nguồn lực chăm sóc người bệnh.
- Xác định được nhu cầu tư vấn, giáo dục sức khỏe phù hợp với người bệnh và gia đình người bệnh.
- Nắm được các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định liên quan đến công tác điều dưỡng trong Trung tâm Y tế.

2. Kỹ năng chuyên môn:

- Thực hiện thành thạo kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trên người bệnh đảm bảo an toàn và hiệu quả.
- Phát hiện sớm các diễn biến bất thường trên người bệnh: Phản vệ, ngưng tuần hoàn, ngưng hô hấp,...
- Thực hiện đúng quy trình thực hành phòng ngừa chuẩn và kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.
- Thực hiện đúng các quy định về an toàn người bệnh trong thực hành chăm sóc và báo cáo sự cố y khoa.
- Thực hiện ghi chép, quản lý hồ sơ bệnh án theo quy định.
- Thực hiện được các kỹ thuật chuyên môn cơ bản của Điều dưỡng.
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- Vận hành, bảo quản các thiết bị chuyên môn liên quan tới công việc đúng quy trình, đúng quy định.

3. Thái độ:

- Tuân thủ đúng các quy trình của Pháp luật liên quan và Tiêu chuẩn đạo đức khi thực hành chăm sóc sức khỏe người bệnh.

- Tự giác học tập liên tục để duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và nghề nghiệp.

- Tác phong cẩn thận; tỉ mỉ, trung thực, tôn trọng, hợp tác với người bệnh và đồng nghiệp; đảm bảo an toàn khi chăm sóc người bệnh; chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hành.

- Đảm bảo thời gian học tập và trang phục đúng quy định.

III. Khung chương trình thực hành 06 tháng

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh của Điều dưỡng là 06 tháng theo quy định của Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ, được phân bổ như sau:

| Chuyên khoa | Khoa thực hành | Thời gian | Ghi chú |
|-----------------|--|----------------------|----------|
| Hồi sức cấp cứu | Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc | 1 tháng (160 tiết) | Bắt buộc |
| Nội khoa | Khoa Nội (bao gồm truyền nhiễm) | 1,5 tháng (240 tiết) | |
| Ngoại khoa | Khoa Ngoại - Phẫu thuật - GMHS | 1,5 tháng (240 tiết) | |
| Sản phụ khoa | Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản | 1 tháng (160 tiết) | |
| Nhi khoa | Khoa Nhi | 1 tháng (160 tiết) | |

*** Lưu ý:

- Học viên sẽ được kiểm tra, đánh giá kỹ năng khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành hàng ngày và sau khi kết thúc thực hành mỗi chuyên khoa.

- Lịch thực hành của học viên sẽ do phòng chuyên môn Trung tâm sắp xếp để phân bổ số lượng học viên hợp lý tại các khoa cùng một thời điểm.

- Học viên thực hành luân phiên, tập trung, toàn thời gian thực hành tại các khoa.

- Tại mỗi khoa, học viên tham gia thực hành và trực theo quy định của TTYT.

- Học viên phải tham dự >90% tổng thời lượng chương trình.

- Trường hợp phải dùng thực hành vì lý do sức khỏe hoặc vì các lý do bất khả kháng khác, học viên thực hành được hướng dẫn thực hiện thủ tục xin bảo lưu kết quả thực hành (theo quy định Điều 4 Nghị định 96/2023/CP-ND).

VI. Nội dung và phương pháp giảng dạy

1. Lý thuyết

| STT | KHOA | BÀI HỌC |
|-----|--|---|
| 1 | Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc | <ul style="list-style-type: none">- Tiếp nhận người bệnh cấp cứu- Hỗ trợ cấp cứu người bệnh- Thực hiện y lệnh cấp cứu- Chăm sóc, theo dõi người bệnh: Sốc, suy hô hấp, chấn thương, ngộ độc...- Hướng dẫn người bệnh - Băng ép cố định.- Chăm sóc theo dõi người bệnh sốc.- Chăm sóc theo dõi người bệnh xuất huyết.- Chăm sóc theo dõi người bệnh rối loạn trí giác.- Chăm sóc theo dõi người bệnh suy hô hấp.- Chăm sóc theo dõi người bệnh tim mạch.- Chăm sóc theo dõi người bệnh chấn thương.- Chăm sóc theo dõi người bệnh có dẫn lưu. |
| 2 | Khoa Nội (bao gồm truyền nhiễm) | <ul style="list-style-type: none">- Chăm sóc người bệnh hô hấp- Chăm sóc người bệnh tim mạch- Chăm sóc người bệnh tiêu hoá- Chăm sóc người bệnh cơ xương khớp- Chăm sóc người bệnh tai biến mạch máu não- Chăm sóc người bệnh co giật- Chăm sóc người bệnh thần kinh- Chăm sóc người bệnh huyết học- Chăm sóc dinh dưỡng cho người cao tuổi- Chăm sóc người bệnh tiểu đường- Chăm sóc người bệnh nội tiết- Chăm sóc người bệnh tiết niệu |
| 3 | Khoa Ngoại – Phẫu thuật – Gây mê hồi sức | <ul style="list-style-type: none">- Chăm sóc người bệnh trước và sau mổ- Chăm sóc người bệnh vết thương- Chăm sóc người bệnh bỏng- Chăm sóc người bệnh có ống dẫn lưu |
| 8 | Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản | <ul style="list-style-type: none">- Kỹ thuật tắm chăm sóc rốn trẻ sơ sinh- Hướng dẫn bà mẹ cho trẻ bú đúng- Chăm sóc sản phụ trước trong và sau sanh |
| 9 | Khoa Nhi | <ul style="list-style-type: none">- Chăm sóc trẻ sơ sinh chiều đèn điều trị vàng da- Chăm sóc bệnh nhi hô hấp |

| | | |
|--|--|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Chăm sóc bệnh nhi tiêu hóa - Chăm sóc bệnh nhi co giật - Chăm sóc bệnh nhi Sốt xuất huyết, Tay chân miệng. |
|--|--|--|

Lồng ghép các buổi tập huấn các quy định Pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, An toàn người bệnh, Kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

| STT | Phòng | Nội dung tập huấn |
|-----|---|---|
| 1 | Phòng Tổ chức - Hành chính | Tập huấn quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh |
| 2 | Phòng Điều dưỡng (bao gồm Công tác xã hội) | Tập huấn an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh |
| 3 | Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ (bao gồm Quản lý chất lượng) | Tập huấn quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề khám bệnh chữa bệnh |

2. Thực hành

2.1. Phân công người hướng dẫn

- Người đứng đầu cơ sở hướng dẫn thực hành phân công người hướng dẫn thực hành cho học viên thực hành theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.

- Trường hợp có nhiều người hướng dẫn thực hành cho một học viên thực hành thì phải phân công rõ phạm vi hướng dẫn và thời gian hướng dẫn thực hành cụ thể của từng người hướng dẫn.

2.2. Nhiệm vụ của các khoa lâm sàng và người hướng dẫn thực hành

* Khoa lâm sàng:

- Hướng dẫn nội quy của khoa phòng ngày đầu tiên học viên đến học thực hành tại khoa.

- Phân công Điều dưỡng hướng dẫn thực hành theo quyết định của Trung tâm Y tế.

- Quản lý học viên trong giờ thực hành, chấm công, chấm trực hàng ngày, hướng dẫn, giám sát học viên thực hành.

- Xây dựng kế hoạch và nội dung hướng dẫn thực hành cho Điều dưỡng thực hành.

* Người hướng dẫn thực hành:

- Tuân thủ sự phân công hướng dẫn thực hành của Trung tâm Y tế.

- Đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành. Chịu trách nhiệm trong trường hợp học viên thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh do lỗi của người hướng dẫn thực hành.

- Trong trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn người hướng dẫn thực hành được từ chối hướng dẫn thực hành và phải báo cáo người đứng đầu cơ sở hướng dẫn thực hành.

- Theo dõi, đánh giá và nhận xét về kết quả thực hành của học viên thực hành theo nội dung đã được phân công và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình.

2.3. Nhiệm vụ của học viên thực hành

- Tuân thủ nội quy, quy chế chuyên môn của Trung tâm Y tế và khoa thực hành.

- Đảm bảo ngày giờ công, chủ động tích cực học tập, thực hiện đúng quy trình kỹ thuật chuyên môn.

- Đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành, giữ bí mật thông tin của người bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành.

- Thực hiện các nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh. Nộp đầy đủ chi phí thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo thỏa thuận trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh với cơ sở hướng dẫn thực hành.

- Học viên thực hành không được ký đơn thuốc, ký tên trong hồ sơ bệnh án điều trị. Không được tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật khi chưa được người hướng dẫn thực hành cho phép.

- Viết báo cáo kết quả quá trình thực hành, xác nhận của người hướng dẫn thực hành trước khi kết thúc thời gian thực hành tại khoa.

- Mỗi học viên phải chuẩn bị 01 quyển sổ ghi chép đầy đủ nhật ký giảng dạy, kiến thức lâm sàng.

Danh mục kỹ thuật chuyên môn kỹ thuật áp dụng cho Điều dưỡng

| TT | Danh mục kỹ thuật | CHỈ TIÊU |
|-----------|--|-----------------|
| 1 | Bóp bóng Ambu qua mặt nạ | 5 |
| 2 | Hỗ trợ cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản | 5 |
| 3 | Chăm sóc ống nội khí quản | 10 |
| 4 | Đặt ống thông dạ dày | 5 |
| 5 | Cho ăn qua ống thông dạ dày | 5 |
| 6 | Điện tim thường | 50 |
| 7 | Đo thân nhiệt bằng nhiệt kế | 500 |
| 8 | Hút đờm hầu họng | 10 |

| | | |
|----|---|-----|
| 9 | Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy | 5 |
| 10 | Kỹ thuật đánh giá, phân cấp chăm sóc cho người bệnh | 50 |
| 11 | Kỹ thuật gọi đầu cho người bệnh tại giường | 2 |
| 12 | Kỹ thuật bơm thuốc qua ống thông mũi dạ dày | 5 |
| 13 | Kỹ thuật bơm, kiểm tra áp lực bóng chèn NKQ | 2 |
| 14 | Kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc | 50 |
| 15 | Kỹ thuật đặt ống thông tiêu 1 lần | 5 |
| 16 | Kỹ thuật đặt ống thông tiêu 1 lần | 5 |
| 17 | Kỹ thuật chăm sóc ống thông tiêu 1 lần | 10 |
| 18 | Kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch | 100 |
| 19 | Kỹ thuật lấy nước tiểu thường quy | 5 |
| 20 | Kỹ thuật lấy phân xét nghiệm | 2 |
| 21 | Kỹ thuật rút ống thông tiêu lưu | 5 |
| 22 | Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch qua cổng tiêm thuốc | 100 |
| 23 | Kỹ thuật vệ sinh răng miệng cho người bệnh | 10 |
| 24 | Kỹ thuật xoa bóp điều trị dự phòng loét (loét độ 1) | 10 |
| 25 | Kỹ thuật xoay chuyển bệnh nhân dự phòng loét tỳ đè | 10 |
| 26 | Khí dung mũi họng | 100 |
| 27 | Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục | 20 |
| 28 | Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy | 10 |
| 29 | Theo dõi SpO2 | 50 |
| 30 | Theo dõi SpO2 liên tục tại giường | 20 |
| 31 | Thở oxy qua gọng kính | 10 |
| 32 | Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) | 5 |
| 33 | Thở oxy qua mặt nạ không có túi | 5 |
| 34 | Thở oxy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) | 5 |
| 35 | Vỗ rung cho người bệnh Hen phế quản | 5 |
| 36 | Chăm sóc bệnh nhân đã tử vong | 1 |
| 37 | Kỹ thuật truyền thuốc qua máy bơm tiêm điện | 5 |
| 38 | Rút canuyn khí quản | 1 |
| 39 | Rút ống nội khí quản | 1 |
| 40 | Rửa dạ dày | 1 |
| 41 | Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng | 1 |

| | | |
|----|--|-----|
| 42 | Cắt chỉ | 5 |
| 43 | Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương | 1 |
| 44 | Băng ép cầm máu | 1 |
| 45 | Kỹ thuật hỗ trợ người bệnh di chuyển bằng xe lăn | 10 |
| 46 | Kỹ thuật băng chun móm cụt chi dưới | 1 |
| 47 | Kỹ thuật băng chum móm cụt chi trên | 1 |
| 48 | Kỹ thuật chăm sóc dẫn lưu | 5 |
| 49 | Kỹ thuật rút ống dẫn lưu | 5 |
| 50 | Kỹ thuật thay túi hậu môn nhân tạo | 2 |
| 51 | Lưu kim luân tĩnh mạch để tiêm thuốc | 50 |
| 52 | Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch | 200 |
| 53 | Tiêm trong da; tiêm dưới da, tiêm bắp thịt | 100 |
| 54 | Thay băng vết mổ | 10 |
| 55 | Thay băng vết thương móm cụt chi | 1 |
| 56 | Thụt tháo phân | 1 |
| 57 | Băng chính hình số 8 | 2 |
| 58 | Cắt lọc khâu vết thương vùng trán | 2 |
| 59 | Cố định tạm thời cột sống cổ bằng nẹp + | 1 |
| 60 | Cố định tạm thời xương cánh tay + | 1 |
| 61 | Cố định tạm thời xương cẳng chân | 1 |
| 62 | Cố định tạm thời xương cẳng tay | 1 |
| 63 | Cố định tạm thời xương đòn | 1 |
| 64 | Cố định tạm thời xương đùi | 1 |
| 65 | Đặt đai vai treo tay | 2 |

V. Lượng giá học viên thực hành

1. Điều kiện thi kết thúc thời gian thực hành: *Khi đạt đủ 2 điều kiện sau:*

- Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và đi thực hành đầy đủ (mỗi khoa chỉ được phép vắng 1 buổi với lý do phù hợp).

- Đạt trên 70% chỉ tiêu danh mục chỉ tiêu đề ra.

2. Thi lượng giá kết thúc thực hành: Bác thăm bệnh nhân, tiến hành chăm sóc, thực hành thủ thuật trực tiếp trên 01 bệnh nhân tại khoa (vừa đánh giá lý thuyết vừa đánh giá thực hành).

3. Điều kiện hoàn thành thời gian thực hành: Kết quả thi lượng giá kết thúc thực hành ≥ 5 điểm.

Tài liệu tham khảo

- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Chương trình Đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới của Bộ Y tế - Nhà xuất bản Y học, Hà Nội- 2020.

- Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Điều dưỡng của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

PHẦN 4
KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ
ĐỐI VỚI CHỨC DANH HỘ SINH
(Kèm theo Quyết định số 257/QĐ-TTYTTB ngày 03/7/2026
của Trung tâm Y tế Khu vực Thanh Bình)

I. Đối tượng, thời gian, tổ chức thực hành:

- Đối tượng: Hộ sinh/ Điều dưỡng Phụ sản chưa được cấp giấy phép hành nghề hoặc cần thay đổi chức danh chuyên môn.
- Thời gian thực hành: 06 tháng.
- Địa điểm thực hành: Trung tâm Y tế Khu vực Thanh Bình.

II. Mục tiêu học tập:

Trong thời gian học viên đi thực hành tại Trung tâm Y tế phải thực hiện được các chức năng nhiệm vụ của người Hộ sinh/ Điều dưỡng phụ sản dưới sự giám sát của Hộ sinh/ Điều dưỡng phụ sản hoặc Bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa phụ sản được phân công hướng dẫn thực hành của khoa với mục tiêu sau:

1. Kiến thức:

- Trình bày được các quy định của pháp luật trong công tác chăm sóc người bệnh, quy định về Luật khám chữa bệnh để hành nghề theo quy định của pháp luật và phù hợp với chức trách, nhiệm vụ, năng lực chuyên môn trong phạm vi quy định của nghề nghiệp.
- Xác định được vai trò, phạm vi thực hành nghề nghiệp của người Hộ sinh trong công tác chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.
- Giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh.
- Trình bày được kiến thức trong lĩnh vực sản phụ khoa, sơ sinh, xã hội, y tế công cộng và đạo đức nghề nghiệp làm nền tảng để chăm sóc thích hợp cho bà mẹ, trẻ sơ sinh và gia đình của họ phù hợp với các yếu tố văn hóa của cộng đồng.

2. Kỹ năng chuyên môn:

- Tiếp đón, tiến hành thăm khám ban đầu để nhận định tình trạng sức khỏe và xác định vấn đề cần ưu tiên của từng đối tượng.
- Truyền thông, tư vấn về chống bạo lực gia đình, tình dục an toàn, chăm sóc sức khỏe gia đình.
- Chăm sóc bà mẹ trước khi mang thai có chất lượng cao, giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa cộng đồng. Hỗ trợ việc kế hoạch hóa gia đình hoặc kết thúc thai nghén theo quy định của luật pháp và hướng dẫn quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Chăm sóc bà mẹ trong chuyển dạ với chất lượng cao; đỡ đẻ sạch, an toàn; xử trí, cấp cứu đảm bảo sức khỏe tốt nhất cho mẹ và trẻ sơ sinh;
- Chăm sóc toàn diện, chất lượng cao cho bà mẹ sau đẻ và trẻ sơ sinh theo phân cấp chăm sóc.
- Lập được kế hoạch, thực hiện quy trình chăm sóc bà mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh và người sử dụng dịch vụ.
- Sơ cứu, cấp cứu kịp thời trong trường hợp sản phụ và trẻ sơ sinh xảy ra những diễn biến đột ngột. Phối hợp với bác sỹ trong quá trình điều trị chăm sóc cho bà mẹ, trẻ sơ sinh, tổ chức nhập viện, chuyển khoa, khám bệnh, trị bệnh kịp thời, an toàn.
- Quản lý buồng bệnh, quản lý bà mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh và người sử dụng dịch vụ; quản lý thuốc, trang thiết bị, vật tư tiêu hao, hồ sơ bệnh án.
- Thực hiện đúng quy trình thực hành phòng ngừa chuẩn và kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.
- Thực hiện đúng các quy định về an toàn người bệnh trong thực hành chăm sóc và báo cáo sự cố y khoa.
- Thực hiện ghi chép, quản lý hồ sơ bệnh án theo quy định.
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Vận hành, bảo quản các thiết bị chuyên môn liên quan tới công việc đúng quy trình, đúng quy định.
- Thực hiện được các kỹ thuật chuyên môn cơ bản của Hộ sinh.

3. Thái độ:

- Tuân thủ đúng các quy trình của Pháp luật liên quan và Tiêu chuẩn đạo đức khi thực hành chăm sóc sức khỏe người bệnh.
- Tự giác học tập liên tục để duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và nghề nghiệp.
- Tác phong cẩn thận; tỉ mỉ, trung thực, tôn trọng, hợp tác với người bệnh và đồng nghiệp; đảm bảo an toàn khi chăm sóc người bệnh; chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hành.
- Đảm bảo thời gian học tập và trang phục đúng quy định.

III. Khung chương trình thực hành 06 tháng

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh của Hộ sinh/ Điều dưỡng phụ sản là 06 tháng theo quy định của Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ, được phân bổ như sau:

| Chuyên khoa | Khoa thực hành | Thời gian | Ghi chú |
|--------------------|-----------------------|------------------|----------------|
|--------------------|-----------------------|------------------|----------------|

| | | | |
|-----------------|--|--------------------|----------|
| Hồi sức cấp cứu | Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc | 1 tháng (160 tiết) | Bắt buộc |
| Sản phụ khoa | Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản | 5 tháng (800 tiết) | |

***** Lưu ý:**

- Học viên sẽ được kiểm tra, đánh giá kỹ năng khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành và sau khi kết thúc thực hành mỗi chuyên khoa.
- Lịch thực hành của học viên sẽ do phòng chuyên môn Trung tâm sắp xếp để phân bổ số lượng học viên hợp lý tại các khoa cùng một thời điểm.
- Học viên thực hành luân phiên, tập trung, toàn thời gian thực hành tại các khoa
- Tại mỗi khoa, học viên tham gia thực hành và trực theo quy định của TTYT.
- Học viên phải tham dự >90% tổng thời lượng chương trình.
- Trường hợp phải dừng thực hành vì lý do sức khỏe hoặc vì các lý do bất khả kháng khác, học viên thực hành được hướng dẫn thực hiện thủ tục xin bảo lưu kết quả thực hành (theo quy định Điều 4 Nghị định 96/2023/CP-NĐ).

VII. Nội dung và phương pháp giảng dạy

1. Lý thuyết

| STT | Khoa | BÀI HỌC |
|-----|--|--|
| 1 | Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực & chống độc | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận định được người bệnh cấp cứu. - Hỗ trợ cấp cứu người bệnh. - Biết cách chăm sóc, theo dõi người bệnh cấp cứu: Sốc, suy hô hấp, chấn thương, ngộ độc... - Hướng dẫn người bệnh. - Băng ép cố định tạm thời. |
| 2 | Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản | <ul style="list-style-type: none"> - Chăm sóc trước sinh. - Quy trình theo dõi chuyển dạ. - Theo dõi biểu đồ chuyển dạ. - Theo dõi tim thai-con gò tử cung bằng monitor trước và trong chuyển dạ. - Chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau sinh. - Theo dõi chăm sóc sản phụ bằng huyết sau sinh. - Theo dõi sản phụ tiền sản giật, sản giật có sử dụng magnesium sulfate/Nicardipine. - Theo dõi chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh sau sinh. |

| | | |
|--|--|--|
| | | - Hướng dẫn bà mẹ cho bú đúng. - Kỹ thuật tắm-chăm sóc rốn trẻ sơ sinh. |
|--|--|--|

Lồng ghép các buổi tập huấn các quy định Pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, An toàn người bệnh, Kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

| STT | Phòng | Nội dung tập huấn |
|-----|---|--|
| 1 | Phòng Tổ chức - Hành chính | Tập huấn quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh. |
| 2 | Phòng Điều dưỡng (bao gồm Công tác xã hội) | Tập huấn an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh. |
| 3 | Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ (bao gồm Quản lý chất lượng) | Tập huấn quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề khám bệnh chữa bệnh. |

2. Thực hành

2.1. Phân công người hướng dẫn

- Người đứng đầu cơ sở hướng dẫn thực hành phân công người hướng dẫn thực hành cho học viên thực hành theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.

- Trường hợp có nhiều người hướng dẫn thực hành cho một học viên thực hành thì phải phân công rõ phạm vi hướng dẫn và thời gian hướng dẫn thực hành cụ thể của từng người hướng dẫn.

2.2. Nhiệm vụ của các khoa lâm sàng và người hướng dẫn thực hành

* Khoa lâm sàng:

- Hướng dẫn nội quy của khoa phòng ngày đầu tiên học viên đến học thực hành tại khoa.

- Phân công Hộ sinh/ Điều dưỡng phụ sản hoặc Bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa phụ sản hướng dẫn thực hành theo quyết định của Trung tâm Y tế.

- Quản lý học viên trong giờ thực hành, chấm công, chấm trực hàng ngày, hướng dẫn, giám sát học viên thực hành.

- Xây dựng kế hoạch và nội dung hướng dẫn thực hành cho Hộ sinh/ Điều dưỡng phụ sản thực hành.

* Người hướng dẫn thực hành:

- Tuân thủ sự phân công hướng dẫn thực hành của Trung tâm Y tế.
- Đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành. Chịu trách nhiệm trong trường hợp học viên thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh do lỗi của người hướng dẫn thực hành.
- Trong trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn người hướng dẫn thực hành được từ chối hướng dẫn thực hành và phải báo cáo người đứng đầu cơ sở hướng dẫn thực hành.
- Theo dõi, đánh giá và nhận xét về kết quả thực hành của học viên thực hành theo nội dung đã được phân công và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình.

2.3. Nhiệm vụ của học viên thực hành

- Tuân thủ nội quy, quy chế chuyên môn của Trung tâm Y tế và khoa thực hành.
- Đảm bảo ngày giờ công, chủ động tích cực học tập, thực hiện đúng quy trình kỹ thuật chuyên môn.
- Đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành, giữ bí mật thông tin của người bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành.
- Thực hiện các nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh. Nộp đầy đủ chi phí thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo thỏa thuận trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh với cơ sở hướng dẫn thực hành.
- Học viên thực hành không được ký đơn thuốc, ký tên trong hồ sơ bệnh án điều trị. Không được tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật khi chưa được người hướng dẫn thực hành cho phép.
- Viết báo cáo kết quả quá trình thực hành, xác nhận của người hướng dẫn thực hành trước khi kết thúc thời gian thực hành tại khoa.
- Mỗi học viên phải chuẩn bị 01 quyển sổ ghi chép đầy đủ nhật ký giảng dạy, kiến thức lâm sàng.

Danh mục kỹ thuật chuyên môn kỹ thuật áp dụng cho Hộ sinh/ Điều dưỡng phụ sản

| TT | Danh mục kỹ thuật | CHỈ TIÊU |
|-----------|---|-----------------|
| I | TRƯỚC SINH | |
| 1 | Khám thai | 20 |
| 2 | Chăm sóc, theo dõi thai phụ mắc bệnh truyền nhiễm | 1 |
| 3 | Chăm sóc, theo dõi thai phụ bệnh lý | 1 |
| 4 | Xử trí ban đầu người bệnh có bệnh lý về sản khoa | 1 |
| 5 | Nghiệm pháp dung nạp Glucosu đường uống cho phụ nữ mang | 5 |

| | | |
|------------|---|----|
| | thai | |
| II | TRONG SINH | |
| 6 | Khám, xác định và theo dõi các giai đoạn của chuyển dạ | 10 |
| 7 | Chăm sóc, theo dõi sản phụ chuyển dạ đẻ | 10 |
| 8 | Theo dõi và truyền oxytocin trong chuyển dạ | 10 |
| 9 | Theo dõi gây chuyển dạ bằng thuốc | 10 |
| 10 | Xử trí sa dây rốn | 1 |
| 11 | Kỹ thuật tách màng ối | 1 |
| 12 | Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm | 10 |
| 13 | Đỡ đẻ thường ngôi chỏm | 10 |
| 14 | Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ | 10 |
| 15 | Thực hiện nghiệm pháp bong rốn, đỡ rốn, kiểm tra bánh rốn | 10 |
| 16 | Cắt và khâu tầng sinh môn | 10 |
| III | SAU SINH | |
| 17 | Kỹ thuật da kề da (ngay sau đẻ, mổ đẻ) | 10 |
| 18 | Chèn gạc âm đạo cầm máu | 1 |
| 19 | Xử trí ban đầu băng huyết sau sinh đường âm đạo | 1 |
| 20 | Lấy khối máu tụ âm đạo; tầng sinh môn với kích thước <2x3cm | 1 |
| 21 | Theo dõi đặt bóng chèn lòng tử cung để cầm máu | 1 |
| 22 | Lấy bệnh phẩm để sinh thiết rau thai sau mổ rốn | 1 |
| 23 | Chăm sóc, theo dõi bà mẹ ngày đầu sau đẻ | 10 |
| 24 | Xoa bóp vú thông tuyến sữa sau sinh | 5 |
| 25 | Chăm sóc, theo dõi vết khâu tầng sinh môn sau đẻ | 10 |
| 26 | Làm thuốc âm hộ; âm đạo sau đẻ | 10 |
| 27 | Làm thuốc tầng sinh môn sau đẻ | 10 |
| IV | PHỤ KHOA-PHÁ THAI-KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH | |
| 28 | Khám phụ khoa | 10 |
| 29 | Xử trí ban đầu cấp cứu phụ khoa | 2 |
| 30 | Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân trước thủ thuật sản phụ khoa | 10 |
| 31 | Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân sau thủ thuật sản phụ khoa | 10 |
| 32 | Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân rò bàng quang-âm đạo | 1 |
| 33 | Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân chữa ngoài tử cung | 2 |

| | | |
|----------|--|----|
| 34 | Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân sau nạo thai trứng | 2 |
| 35 | Kỹ thuật thực hiện thuốc qua niêm mạc âm đạo | 10 |
| 36 | Lấy bệnh phẩm để xét nghiệm tế bào học âm đạo, cổ tử cung | 5 |
| 37 | Đặt thuốc trong điều trị viêm âm hộ, âm đạo, cổ tử cung | 5 |
| 38 | Tháo dụng cụ tử cung | 1 |
| 39 | Theo dõi, chăm sóc người bệnh phá thai nội khoa | 10 |
| V | SƠ SINH | |
| 40 | Khám phát hiện dị tật ngoài trẻ sơ sinh | 1 |
| 41 | Khám sàng lọc toàn thân cho trẻ sơ sinh để phát hiện những dấu hiệu bất thường của trẻ | 5 |
| 42 | Chăm sóc rốn sơ sinh | 5 |
| 43 | Chăm sóc rốn sơ sinh nhiễm khuẩn | 5 |
| 44 | Tắm trẻ sơ sinh | 5 |
| 45 | Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh ngay sau đẻ | 5 |
| 46 | Hồi sức trẻ sơ sinh ngạt sau sinh | 1 |
| 47 | Cấp cứu sặc sữa | 1 |
| 48 | Xử trí chảy máu rốn | 1 |
| 49 | Chăm sóc trẻ sơ sinh được chiếu đèn điều trị vàng da | 1 |
| 50 | Chăm sóc, theo dõi trẻ sơ sinh bằng phương pháp Căng gu ru | 1 |
| 51 | Tiêm chủng và theo dõi, chăm sóc sau tiêm chủng | 5 |

V. Lượng giá học viên thực hành

1. Điều kiện thi kết thúc thời gian thực hành: *Khi đạt đủ 2 điều kiện sau:*

- Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và đi thực hành đầy đủ (mỗi khoa chỉ được phép vắng 1 buổi với lý do phù hợp).

- Đạt trên 70% chỉ tiêu danh mục chỉ tiêu đề ra.

2. Thi lượng giá kết thúc thực hành: Bốc thăm bệnh nhân, tiến hành chăm sóc, thực hành thủ thuật trực tiếp trên 01 bệnh nhân tại khoa (vừa đánh giá lý thuyết vừa đánh giá thực hành).

3. Điều kiện hoàn thành thời gian thực hành: Kết quả thi lượng giá kết thúc thực hành ≥ 5 điểm.

Tài liệu tham khảo

- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Hộ sinh của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

PHẦN 5
KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ
ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y
(Kèm theo Quyết định số 257/QĐ-TTYTTB ngày 03/7/2026
của Trung tâm Y tế Khu vực Thanh Bình)

A. ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y XÉT NGHIỆM Y HỌC

I. Đối tượng, thời gian, tổ chức thực hành:

- Đối tượng: Kỹ thuật y Xét nghiệm y học chưa được cấp giấy phép hành nghề hoặc cần thay đổi chức danh chuyên môn.

- Thời gian thực hành: 06 tháng.

- Địa điểm thực hành: Trung tâm Y tế Khu vực Thanh Bình.

II. Mục tiêu học tập:

Trong thời gian học viên đi thực hành tại Trung tâm Y tế phải thực hiện được các chức năng nhiệm vụ của người Kỹ thuật y Xét nghiệm y học dưới sự giám sát của Kỹ thuật y xét nghiệm y học hoặc Bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa xét nghiệm được phân công hướng dẫn thực hành của khoa với mục tiêu sau:

1. Kiến thức:

- Trình bày được kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho công việc kỹ thuật xét nghiệm y học.

- Giải thích được cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý; kiến thức y học chuyên ngành phục vụ cho công việc.

- Trình bày được sự tác động của môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp duy trì, cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.

- Giải thích được nguyên lý, cơ chế các xét nghiệm sinh hóa miễn dịch, huyết học, truyền máu, vi sinh - ký sinh trình, tế bào - mô bệnh học thông thường phục vụ chẩn đoán và điều trị bệnh.

- Phân tích được nguyên tắc, phương pháp được pha chế một số dung dịch chuẩn, thuốc nhộm, thuốc thử, môi trường.

- Giải thích được các quy chế vô khuẩn, quy định về sử dụng hóa chất, sinh phẩm chuyên dụng, an toàn sinh dục và quản lý chất lượng xét nghiệm.

- Trình bày được phương pháp luận khoa học trong công tác nghiên cứu khoa học.

- Vận dụng các kiến thức về chính sách, pháp luật và quy định về chuyên môn nghiệp vụ để bảo vệ quyền lợi chính đáng của cá nhân, đồng nghiệp, người bệnh và nhân dân trong điều kiện chuyên môn cụ thể.

2. Kỹ năng chuyên môn:

- Pha chế thành thạo một số dung dịch đệm, thuốc nhuộm, thuốc thử, môi trường, sử dụng được các bộ thuốc thử (kit) phục vụ cho công tác xét nghiệm.
- Làm thành thạo các xét nghiệm cơ bản về huyết học truyền máu, hóa sinh miễn dịch, vi sinh ký sinh trùng, xét nghiệm tế bào phục vụ chẩn đoán và điều trị bệnh.
- Định danh được các vi sinh vật gây bệnh thường gặp; nhận định và phân tích được kết quả xét nghiệm sinh hóa miễn dịch, huyết học truyền máu cơ bản; xác định được tế bào mô bệnh học trong tổn thương dạng viêm và u một số mô của cơ thể.
- Tổ chức được xét nghiệm hàng loạt tại cộng đồng một cách độc lập hoặc phối hợp với đồng nghiệp.
- Sử dụng và bảo quản được các trang thiết bị, hóa chất, sinh phẩm chuyên dụng trong phòng xét nghiệm.
- Kiểm soát được lây nhiễm, xử lý rác thải theo đúng quy định về an toàn sinh học phòng xét nghiệm.
- Ghi chép, vào sổ, thống kê các hoạt động chuyên môn theo mẫu quy định. Lưu trữ, bảo quản các tài liệu trong lĩnh vực được giao.
- Tham gia công tác quản lý phòng xét nghiệm, chất lượng phòng xét nghiệm.
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.

3. Thái độ:

- Tuân thủ đúng các quy trình của Pháp luật liên quan và Tiêu chuẩn đạo đức khi thực hành chăm sóc sức khỏe người bệnh.
- Tự giác học tập liên tục để duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và nghề nghiệp.
- Tác phong cẩn thận; tỉ mỉ, trung thực, tôn trọng, hợp tác với người bệnh và đồng nghiệp; đảm bảo an toàn khi chăm sóc người bệnh; chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hành.
- Đảm bảo thời gian học tập và trang phục đúng quy định.

III. Khung chương trình thực hành 06 tháng

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh của Kỹ thuật y xét nghiệm y học là 06 tháng theo quy định của Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ, được phân bổ như sau:

| Chuyên khoa | Khoa thực hành | Thời gian | Ghi chú |
|-----------------|--|--------------------|----------|
| Hồi sức cấp cứu | Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc | 1 tháng (160) tiết | Bắt buộc |

| | | | |
|------------|---------------------------------------|--------------------|--|
| Xét nghiệm | Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh | 5 tháng (800 tiết) | |
|------------|---------------------------------------|--------------------|--|

***** Lưu ý:**

- Học viên sẽ được kiểm tra, đánh giá kỹ năng khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành và sau khi kết thúc thực hành mỗi chuyên khoa.
- Lịch thực hành của học viên sẽ do phòng chuyên môn Trung tâm sắp xếp để phân bổ số lượng học viên hợp lý tại các khoa cùng một thời điểm.
- Học viên thực hành luân phiên, tập trung, toàn thời gian thực hành tại các khoa.
- Tại mỗi khoa, học viên tham gia thực hành và trực theo quy định của TTYT.
- Học viên phải tham dự >90% tổng thời lượng chương trình.
- Trường hợp phải dừng thực hành vì lý do sức khỏe hoặc vì các lý do bất khả kháng khác, học viên thực hành được hướng dẫn thực hiện thủ tục xin bảo lưu kết quả thực hành (theo quy định Điều 4 Nghị định 96/2023/CP-NĐ).

VIII. Nội dung và phương pháp giảng dạy

1. Lý thuyết

| STT | Khoa | BÀI HỌC |
|-----|---|---|
| 1 | Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực & chống độc | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận định được người bệnh cấp cứu. - Hỗ trợ cấp cứu người bệnh. - Biết cách chăm sóc, theo dõi người bệnh cấp cứu: Sốc, suy hô hấp, chấn thương, ngộ độc... - Hướng dẫn người bệnh. - Băng ép cố định tạm thời. |
| 2 | Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh | <ul style="list-style-type: none"> - Một số vấn đề cơ bản về an toàn trong phòng xét nghiệm. - Quy định chung khi thu thập bệnh phẩm xét nghiệm vi sinh. - Các phương pháp xét nghiệm miễn dịch lâm sàng. - Nguyên lý hoạt động và kỹ thuật vận hành máy xét nghiệm huyết học tự động. - Nguyên lý hoạt động và kỹ thuật vận hành của máy xét nghiệm đông máu. - Quy trình thực hiện phết máu ngoại biên và đánh giá tế bào trên phết lam. - Quy trình kỹ thuật hóa sinh. - Hướng dẫn vận hành thiết bị và nguyên lý phép đo máy xét nghiệm hóa sinh. |

| | | |
|--|--|---|
| | | - Quản lý, giám sát, kiểm tra chất lượng xét nghiệm. - Hóa sinh lâm sàng một số bệnh thường gặp. |
|--|--|---|

Lồng ghép các buổi tập huấn các quy định Pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, An toàn người bệnh, Kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

| STT | Phòng | Nội dung tập huấn |
|-----|---|---|
| 1 | Phòng Tổ chức - Hành chính | Tập huấn quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh |
| 2 | Phòng Điều dưỡng (bao gồm Công tác xã hội) | Tập huấn an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh |
| 3 | Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ (bao gồm Quản lý chất lượng) | Tập huấn quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề khám bệnh chữa bệnh |

2. Thực hành

2.1. Phân công người hướng dẫn

- Người đứng đầu cơ sở hướng dẫn thực hành phân công người hướng dẫn thực hành cho học viên thực hành theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.

- Trường hợp có nhiều người hướng dẫn thực hành cho một học viên thực hành thì phải phân công rõ phạm vi hướng dẫn và thời gian hướng dẫn thực hành cụ thể của từng người hướng dẫn.

2.2. Nhiệm vụ của các khoa lâm sàng và người hướng dẫn thực hành

* *Khoa lâm sàng:*

- Hướng dẫn nội quy của khoa phòng ngày đầu tiên học viên đến học thực hành tại khoa.

- Phân công Kỹ thuật xét nghiệm y học hoặc Bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa xét nghiệm hướng dẫn thực hành theo quyết định của Trung tâm Y tế.

- Quản lý học viên trong giờ thực hành, chấm công, chấm trực hàng ngày, hướng dẫn, giám sát học viên thực hành.

- Xây dựng kế hoạch và nội dung hướng dẫn thực hành cho Kỹ thuật viên Xét nghiệm y học thực hành.

* *Người hướng dẫn thực hành:*

- Tuân thủ sự phân công hướng dẫn thực hành của Trung tâm Y tế.

- Đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành. Chịu trách nhiệm trong trường hợp học viên thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh do lỗi của người hướng dẫn thực hành.

- Trong trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn người hướng dẫn thực hành được từ chối hướng dẫn thực hành và phải báo cáo người đứng đầu cơ sở hướng dẫn thực hành.

- Theo dõi, đánh giá và nhận xét về kết quả thực hành của học viên thực hành theo nội dung đã được phân công và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình.

2.3. Nhiệm vụ của học viên thực hành

- Tuân thủ nội quy, quy chế chuyên môn của Trung tâm Y tế và khoa thực hành.

- Đảm bảo ngày giờ công, chủ động tích cực học tập, thực hiện đúng quy trình kỹ thuật chuyên môn.

- Đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành, giữ bí mật thông tin của người bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành.

- Thực hiện các nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh. Nộp đầy đủ chi phí thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo thỏa thuận trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh với cơ sở hướng dẫn thực hành.

- Học viên thực hành không được ký đơn thuốc, ký tên trong hồ sơ bệnh án điều trị. Không được tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật khi chưa được người hướng dẫn thực hành cho phép.

- Viết báo cáo kết quả quá trình thực hành, xác nhận của người hướng dẫn thực hành trước khi kết thúc thời gian thực hành tại khoa.

- Mỗi học viên phải chuẩn bị 01 quyển sổ ghi chép đầy đủ nhật ký giảng dạy, kiến thức lâm sàng.

Danh mục kỹ thuật chuyên môn kỹ thuật áp dụng cho Kỹ thuật y xét nghiệm

| STT | Hoá sinh – Miễn dịch | CHỈ TIÊU |
|-----|---|----------|
| 1 | Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (75g Glucose) 3 mẫu cho người bệnh thai nghén | 2 |
| 2 | Định lượng Acid Uric [Máu] | 5 |
| 3 | Định lượng Albumin [Máu] | 5 |
| 4 | Đo hoạt độ Amylase [Máu] | 5 |
| 5 | Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu] | 5 |
| 6 | Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu] | 5 |
| 7 | Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu] | 5 |

| | | |
|----|---|----|
| 8 | Định lượng Bilirubin gián tiếp [Máu] | 5 |
| 9 | Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu] | 5 |
| 10 | Định lượng Calci ion hóa [Máu] | 5 |
| 11 | Định lượng Cholesterol toàn phần [Máu] | 5 |
| 12 | Định lượng Cortisol (máu) | 5 |
| 13 | Định lượng Creatinin (máu) | 5 |
| 14 | Điện giải đồ (Na, K, Cl) (máu) | 10 |
| 15 | Định lượng Ethanol (cồn) [Máu] | 5 |
| 16 | Định lượng Glucose [Máu] | 5 |
| 17 | Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu] | 5 |
| 18 | Định lượng HbA1C [Máu] | 10 |
| 19 | Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu] | 5 |
| 20 | Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu] | 5 |
| 21 | Định lượng Protein toàn phần [Máu] | 5 |
| 22 | Định lượng Triglycerid [Máu] | 5 |
| 23 | Định lượng Ure máu [Máu] | 5 |
| 24 | Điện giải (Na, K, Cl) (niệu) | 5 |
| 25 | Định tính Amphetamin (test nhanh) [niệu] | 5 |
| 26 | Định lượng Amylase [niệu] | 5 |
| 27 | Định lượng Acid uric (niệu) | 5 |
| 28 | Định lượng Creatinine (niệu) | 5 |
| 29 | Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [niệu] | 5 |
| 30 | Định tính Opiate (test nhanh) [niệu] | 5 |
| 31 | Định tính Morphin (test nhanh) [niệu] | 5 |
| 32 | Định lượng Protein (niệu) | 5 |
| 33 | Định lượng Ure (niệu) | 1 |
| 34 | Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động) | 20 |
| 35 | Định lượng Glucose (dịch chọc dò) | 1 |
| 36 | Đo hoạt độ LDH (dịch chọc dò) | 1 |
| 37 | Định lượng Triglycerid (dịch chọc dò) | 1 |
| 38 | Định lượng Glucose (niệu) | 1 |

| | | |
|----|---|----|
| 39 | CRP định lượng | 5 |
| 40 | Định lượng Creatinine (dịch) | 1 |
| 41 | Định lượng Ure (dịch) | 1 |
| 42 | Đường máu mao mạch | 30 |
| | II. HUYẾT HỌC- TRUYỀN MÁU | |
| 43 | Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser) | 50 |
| 44 | Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng máy đếm laser) | 3 |
| 45 | Máu lắng (bằng phương pháp thủ công) | 1 |
| 46 | Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm) | 15 |
| 47 | Định nhóm máu hệ Rh (D) (Kỹ thuật ống nghiệm) | 15 |
| 48 | Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm) | 2 |
| 49 | Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm) | 2 |
| | III. VI SINH | |
| 50 | Thực hành kỹ thuật nhuộm Gram | 50 |
| 51 | Thực hành kỹ thuật AFB nhuộm Ziehl-Neelsen | 30 |
| 52 | Thực hành kỹ thuật soi tươi | 15 |
| 53 | Thực hành quy trình kỹ thuật soi phân tìm ký sinh trùng đường ruột | 5 |
| 54 | Thực hành quy trình kỹ thuật nhuộm Giemsa tìm ký sinh trùng sốt rét | 5 |
| 55 | Thực hành quy trình kỹ thuật test nhanh NS1 Ag, viêm gan B, viêm gan C, viêm gan E, HIV | 30 |
| 56 | Thực hành quy trình kỹ thuật ELISA tìm ký sinh trùng nội bào | 5 |

V. Lượng giá học viên thực hành

1. Điều kiện thi kết thúc thời gian thực hành: *Khi đạt đủ 2 điều kiện sau:*

- Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và đi thực hành đầy đủ (mỗi khoa chỉ được phép vắng 1 buổi với lý do phù hợp).
- Đạt trên 70% chỉ tiêu danh mục chỉ tiêu đề ra.

2. Thi lượng giá kết thúc thực hành: Bác thăm bệnh nhân, tiến hành thực hiện trực tiếp trên 01 bệnh nhân tại khoa (vừa đánh giá lý thuyết vừa đánh giá thực hành).

3. Điều kiện hoàn thành thời gian thực hành: Kết quả thi lượng giá kết thúc thực hành ≥ 5 điểm.

Tài liệu tham khảo

- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Chương trình đào tạo ngành: Kỹ thuật Xét nghiệm y học của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

B. ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y HÌNH ẢNH Y HỌC

I. Đối tượng, thời gian, tổ chức thực hành:

- Đối tượng: Kỹ thuật y Hình ảnh y học chưa được cấp giấy phép hành nghề hoặc cần thay đổi chức danh chuyên môn.

- Thời gian thực hành: 06 tháng.

- Địa điểm thực hành: Trung tâm Y tế Khu vực Thanh Bình.

II. Mục tiêu học tập:

Trong thời gian học viên đi thực hành tại Trung tâm Y tế phải thực hiện được các chức năng nhiệm vụ của người Kỹ thuật y Hình ảnh y học dưới sự giám sát của Kỹ thuật y Hình ảnh y học hoặc Bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Hình ảnh y học được phân công hướng dẫn thực hành của khoa với mục tiêu sau:

1. Kiến thức:

- Nêu được thành phần và tính chất của thuốc hiện hình, thuốc định hình.
- Nêu được các bước chuẩn bị, thay và châm thuốc, làm sạch thuốc và sấy khô.

- Nêu được các nguyên lý hoạt động của các loại máy in phim.

- Nắm được thuần phục tất cả các nguyên lý, quy trình chụp kỹ thuật chụp Xquang trên người bệnh.

2. Kỹ năng chuyên môn:

- Vận dụng được các phương pháp ghi nhận và lưu giữ hình ảnh.

- Lưu giữ hình ảnh trong các máy đặc biệt.

- Thực hiện được thuần phục tất cả các kỹ thuật X-quang dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng.

- Phát hiện và xử trí được các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kỹ thuật (nếu có).

- Đánh giá được phim đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, phát hiện và đề xuất phương án để phim đạt chất lượng theo yêu cầu.
- Tuân thủ các bước thực hành an toàn bức xạ, và đề xuất được các thay đổi về mặt kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn bức xạ cho bệnh nhân và nhân viên.
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Vận hành, bảo quản các thiết bị chuyên môn liên quan tới công việc đúng quy trình, đúng quy định.

5. Thái độ:

- Tuân thủ đúng các quy trình của Pháp luật liên quan và Tiêu chuẩn đạo đức khi thực hành chăm sóc sức khỏe người bệnh.
- Tự giác học tập liên tục để duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và nghề nghiệp.
- Tác phong cẩn thận; tỉ mỉ, trung thực, tôn trọng, hợp tác với người bệnh và đồng nghiệp; đảm bảo an toàn khi chăm sóc người bệnh; chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hành.
- Đảm bảo thời gian học tập và trang phục đúng quy định.

III. Khung chương trình thực hành 06 tháng

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh của Kỹ thuật y Hình ảnh y học là 06 tháng theo quy định của Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ, được phân bổ như sau:

| Chuyên khoa | Khoa thực hành | Thời gian | Ghi chú |
|--------------------|--|--------------------|----------|
| Hồi sức cấp cứu | Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực và Chống độc | 1 tháng (160 tiết) | Bắt buộc |
| Chẩn đoán hình ảnh | Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh | 5 tháng (800 tiết) | |

*** Lưu ý:

- Học viên sẽ được kiểm tra, đánh giá kỹ năng khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành và sau khi kết thúc thực hành mỗi chuyên khoa.
- Lịch thực hành của học viên sẽ do phòng chuyên môn Trung tâm sắp xếp để phân bổ số lượng học viên hợp lý tại các khoa cùng một thời điểm.
- Học viên thực hành luân phiên, tập trung, toàn thời gian thực hành tại các khoa.
- Tại mỗi khoa, học viên tham gia thực hành và trực theo quy định của TTYT.
- Học viên phải tham dự >90% tổng thời lượng chương trình.
- Trường hợp phải dừng thực hành vì lý do sức khỏe hoặc vì các lý do bất

khả kháng khác, học thực hành được hướng dẫn thực hiện thủ tục xin bảo lưu kết quả thực hành (theo quy định Điều 4 Nghị định 96/2023/CP-NĐ).

IV. Nội dung và phương pháp giảng dạy

1. Lý thuyết

| STT | Khoa | BÀI HỌC |
|------------|---|---|
| 1 | Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực & chống độc | <ul style="list-style-type: none">- Nhận định được người bệnh cấp cứu.- Hỗ trợ cấp cứu người bệnh.- Biết cách chăm sóc, theo dõi người bệnh cấp cứu: Sốc, suy hô hấp, chấn thương, ngộ độc...- Hướng dẫn người bệnh.- Băng ép cố định tạm thời. |
| 2 | Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh | <ul style="list-style-type: none">- Kỹ thuật Xquang: Theo yêu cầu của khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh.- Kỹ thuật ghi nhận và lưu giữ hình ảnh.- Lưu giữ hình ảnh trong các máy đặc biệt. |

Lồng ghép các buổi tập huấn các quy định Pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, An toàn người bệnh, Kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

| STT | Phòng | Nội dung tập huấn |
|------------|---|---|
| 1 | Phòng Tổ chức - Hành chính | Tập huấn quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh |
| 2 | Phòng Điều dưỡng (bao gồm Công tác xã hội) | Tập huấn an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh |
| 3 | Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ (bao gồm Quản lý chất lượng) | Tập huấn quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề khám bệnh chữa bệnh |

2. Thực hành

2.1. Phân công người hướng dẫn

- Người đứng đầu cơ sở hướng dẫn thực hành phân công người hướng dẫn thực hành cho học viên thực hành theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.

- Trường hợp có nhiều người hướng dẫn thực hành cho một học viên thực hành thì phải phân công rõ phạm vi hướng dẫn và thời gian hướng dẫn thực hành cụ thể của từng người hướng dẫn.

2.2. Nhiệm vụ của các khoa lâm sàng và người hướng dẫn thực hành

*** Khoa lâm sàng:**

- Hướng dẫn nội quy của khoa phòng ngày đầu tiên học viên đến học thực hành tại khoa.
- Phân công Kỹ thuật y Hình ảnh y học hoặc Bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Hình ảnh y học hướng dẫn thực hành theo quyết định của Trung tâm Y tế.
- Quản lý học viên trong giờ thực hành, chấm công, chấm trực hàng ngày, hướng dẫn, giám sát học viên thực hành.
- Xây dựng kế hoạch và nội dung hướng dẫn thực hành cho Kỹ thuật y Hình ảnh y học thực hành.

*** Người hướng dẫn thực hành:**

- Tuân thủ sự phân công hướng dẫn thực hành của Trung tâm Y tế.
- Đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành. Chịu trách nhiệm trong trường hợp học viên thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh do lỗi của người hướng dẫn thực hành.
- Trong trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn người hướng dẫn thực hành được từ chối hướng dẫn thực hành và phải báo cáo người đứng đầu cơ sở hướng dẫn thực hành.
- Theo dõi, đánh giá và nhận xét về kết quả thực hành của học viên thực hành theo nội dung đã được phân công và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình.

2.3. Nhiệm vụ của học viên thực hành

- Tuân thủ nội quy, quy chế chuyên môn của Trung tâm Y tế và khoa thực hành.
- Đảm bảo ngày giờ công, chủ động tích cực học tập, thực hiện đúng quy trình kỹ thuật chuyên môn.
- Đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành, giữ bí mật thông tin của người bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành.
- Thực hiện các nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh. Nộp đầy đủ chi phí thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo thỏa thuận trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh với cơ sở hướng dẫn thực hành.
- Học viên thực hành không được ký đơn thuốc, ký tên trong hồ sơ bệnh án điều trị. Không được tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật khi chưa được người hướng dẫn thực hành cho phép.
- Viết báo cáo kết quả quá trình thực hành, xác nhận của người hướng dẫn thực hành trước khi kết thúc thời gian thực hành tại khoa.

- Mỗi học viên phải chuẩn bị 01 quyển sổ ghi chép đầy đủ nhật ký giảng dạy, kiến thức lâm sàng.

Danh mục kỹ thuật chuyên môn kỹ thuật áp dụng cho Kỹ thuật y Hình ảnh y học

| TT | TÊN DVKT | CHỈ TIÊU |
|-----------|---|-----------------|
| 1 | Chụp Xquang sọ thẳng | 10 |
| 2 | Chụp Xquang sọ nghiêng | 10 |
| 3 | Chụp Xquang Hirtz | 10 |
| 4 | Chụp Xquang Blondeau | 10 |
| 5 | Chụp Xquang cột sống cổ thẳng | 10 |
| 6 | Chụp Xquang cột sống cổ nghiêng | 10 |
| 7 | Chụp Xquang cột sống cổ chéo | 10 |
| 8 | Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng | 10 |
| 9 | Chụp Xquang cột sống thắt lưng nghiêng | 10 |
| 10 | Chụp Xquang khớp vai thẳng | 10 |
| 11 | Chụp Xquang khớp vai chéo | 10 |
| 12 | Chụp Xquang khớp vai chéo | 5 |
| 13 | Chụp Xquang ngực thẳng | 20 |
| 14 | Chụp Xquang ngực nghiêng | 5 |
| 15 | Chụp Xquang xương cánh tay thẳng | 10 |
| 16 | Chụp Xquang xương cánh tay nghiêng | 10 |
| 17 | Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng | 10 |
| 18 | Chụp Xquang khớp khuỷu nghiêng | 10 |
| 19 | Chụp Xquang khớp khuỷu gấp | 10 |
| 20 | Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng | 10 |
| 21 | Chụp Xquang xương cẳng tay nghiêng | 10 |
| 22 | Chụp Xquang xương cổ tay thẳng | 10 |
| 23 | Chụp Xquang xương cổ tay nghiêng | 10 |
| 24 | Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng | 10 |
| 25 | Chụp Xquang xương bàn ngón tay chéo | 10 |
| 26 | Chụp Xquang bụng không chuẩn bị | 10 |
| 27 | Chụp Xquang hệ tiết niệu không chuẩn bị | 10 |
| 28 | Chụp Xquang khung chậu thẳng | 10 |
| 29 | Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên | 10 |

| | | |
|----|---------------------------------------|----|
| 30 | Chụp Xquang xương đùi thẳng | 10 |
| 31 | Chụp Xquang xương đùi nghiêng | 10 |
| 32 | Chụp Xquang khớp gối thẳng | 10 |
| 33 | Chụp Xquang khớp gối nghiêng | 10 |
| 34 | Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng | 10 |
| 35 | Chụp Xquang xương cẳng chân nghiêng | 10 |
| 36 | Chụp Xquang xương cổ chân thẳng | 10 |
| 37 | Chụp Xquang xương cổ chân nghiêng | 10 |
| 38 | Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng | 10 |
| 39 | Chụp Xquang cột sống ngực thẳng | 10 |
| 40 | Chụp Xquang cột sống ngực nghiêng | 10 |
| 41 | Chụp Xquang xương gót thẳng | 5 |
| 42 | Chụp Xquang xương gót nghiêng | 5 |
| 43 | Chụp Xquang xương bả vai thẳng | 10 |
| 44 | Chụp Xquang xương bả vai nghiêng | 5 |
| 45 | Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng | 5 |
| 46 | Chụp Xquang cột sống cùng cụt nghiêng | 5 |
| 47 | Chụp Xquang mặt thẳng | 10 |
| 48 | Chụp Xquang mặt nghiêng | 10 |
| 49 | Chụp Xquang sọ tiếp tuyến | 5 |
| 50 | Chụp Xquang khớp thái dương hàm | 5 |
| 51 | Chụp Xquang răng cận chóp | 10 |
| 52 | Chụp Xquang răng toàn cảnh | 10 |
| 53 | Chụp Xquang đốt sống cổ C1-C2 | 10 |
| 54 | Chụp Xquang tư thế Schuller | 5 |
| 55 | Chụp Xquang phổi tư thế đỉnh phổi ưỡn | 5 |
| 56 | Chụp Xquang bàng quang trên xương mu | 5 |

V. Lượng giá học viên thực hành

1. Điều kiện thi kết thúc thời gian thực hành: *Khi đạt đủ 2 điều kiện sau:*

- Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và đi thực hành đầy đủ (mỗi khoa chỉ được phép vắng 1 buổi với lý do phù hợp).
- Đạt trên 70% chỉ tiêu danh mục chỉ tiêu đề ra.

2. Thi lượng giá kết thúc thực hành: Bác thăm bệnh nhân, tiến hành thực hiện trực tiếp trên 01 bệnh nhân tại khoa (vừa đánh giá lý thuyết vừa đánh giá thực hành).

3. Điều kiện hoàn thành thời gian thực hành: Kết quả thi lượng giá kết thúc thực hành ≥ 5 điểm.

Tài liệu tham khảo

- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Chương trình đào tạo ngành: kỹ thuật hình ảnh y học của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

C. ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

I. Đối tượng, thời gian, tổ chức thực hành:

- Đối tượng: Kỹ thuật y Phục hồi chức năng chưa được cấp giấy phép hành nghề hoặc cần thay đổi chức danh chuyên môn.

- Thời gian thực hành: 06 tháng.

- Địa điểm thực hành: Trung tâm Y tế Khu vực Thanh Bình.

II. Mục tiêu học tập:

Trong thời gian học viên đi thực hành tại Trung tâm Y tế phải thực hiện được các chức năng nhiệm vụ của người Kỹ thuật y Phục hồi chức năng dưới sự giám sát của Kỹ thuật y Phục hồi chức năng hoặc Bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Phục hồi chức năng được phân công hướng dẫn thực hành của khoa với mục tiêu sau:

1. Kiến thức:

- Giải thích các kiến thức cơ bản về giải phẫu sinh lý người, sinh lý bệnh, sinh học di truyền, bệnh học nội - ngoại khoa, dược lý, điều dưỡng cơ bản - cấp cứu ban đầu vào việc lập kế hoạch chăm sóc điều trị.

- Trình bày được các phương pháp châm cứu và chữa bệnh không dùng thuốc (y học cổ truyền) phục hồi chức năng cho người bệnh.

- Trình bày được phương pháp vận động trị liệu, quy trình thực hiện lượng giá chức năng hệ vận động, quy trình bảo quản trang thiết bị vật lý trị liệu trong điều trị.

- Phân tích được tác dụng điều trị trong các trường hợp vật lý trị liệu hệ tim mạch - hô hấp, vật lý trị liệu hệ thần kinh - cơ, vật lý trị liệu cơ xương, phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

2. Kỹ năng chuyên môn:

- Giao tiếp với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp hiệu quả.

- Thực hiện thành thạo sơ cấp cứu ban đầu.
- Xác định được vị trí giải phẫu cơ - xương - thần kinh trên người bệnh.
- Lượng giá thành thạo chức năng hệ vận động của cơ thể.
- Vận hành thành thạo an toàn và bảo quản tốt các trang thiết bị chuyên ngành Phục hồi chức năng.
- Thực hiện thành thạo các thao tác tập vận động trị liệu, các phương pháp điều trị phục hồi chức năng trị liệu, PHCN trị liệu hệ tim mạch – hô hấp, PHCN trị liệu hệ thần kinh – cơ, PHCN trị liệu cơ xương.
- Áp dụng các phương pháp châm cứu và xoa bóp chữa bệnh không dùng thuốc phục hồi chức năng cho người bệnh.
- Hướng dẫn người bệnh, gia đình người bệnh sử dụng thành thạo một số dụng cụ trợ giúp đơn giản hỗ trợ trong điều trị.
- Hướng dẫn thành thạo các phương pháp phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.
- Tổ chức và quản lý khoa phòng trị liệu phục hồi chức năng một cách khoa học;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.

5. Thái độ:

- Tuân thủ đúng các quy trình của Pháp luật liên quan và Tiêu chuẩn đạo đức khi thực hành chăm sóc sức khỏe người bệnh.
- Tự giác học tập liên tục để duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và nghề nghiệp.
- Tác phong cẩn thận; tỉ mỉ, trung thực, tôn trọng, hợp tác với người bệnh và đồng nghiệp; đảm bảo an toàn khi chăm sóc người bệnh; chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hành.
- Đảm bảo thời gian học tập và trang phục đúng quy định.

III. Khung chương trình thực hành 06 tháng

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh của Kỹ thuật y Phục hồi chức năng là 06 tháng theo quy định của Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ, được phân bổ như sau:

| Chuyên khoa | Khoa thực hành | Thời gian | Ghi chú |
|--------------------|--|--------------------|----------|
| Hồi sức cấp cứu | Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực và Chống độc | 1 tháng (160 tiết) | Bắt buộc |
| Phục hồi chức năng | Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng | 5 tháng (800 tiết) | |

*** **Lưu ý:**

- Học viên sẽ được kiểm tra, đánh giá kỹ năng khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành và sau khi kết thúc thực hành mỗi chuyên khoa.
- Lịch thực hành của học viên sẽ do phòng chuyên môn Trung tâm sắp xếp để phân bổ số lượng học viên hợp lý tại các khoa cùng một thời điểm.
- Học viên thực hành luân phiên, tập trung, toàn thời gian thực hành tại các khoa.
- Tại mỗi khoa, học viên tham gia thực hành và trực theo quy định của TTYT.
- Học viên phải tham dự >90% tổng thời lượng chương trình.
- Trường hợp phải dừng thực hành vì lý do sức khỏe hoặc vì các lý do bất khả kháng khác, học viên thực hành được hướng dẫn thực hiện thủ tục xin bảo lưu kết quả thực hành (theo quy định Điều 4 Nghị định 96/2023/CP-NĐ).

V. Nội dung và phương pháp giảng dạy

1. Lý thuyết

| STT | Khoa | BÀI HỌC |
|-----|--|---|
| 1 | Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực & chống độc | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận định được người bệnh cấp cứu. - Hỗ trợ cấp cứu người bệnh. - Biết cách chăm sóc, theo dõi người bệnh cấp cứu: Sốc, suy hô hấp, chấn thương, ngộ độc... - Hướng dẫn người bệnh. - Băng ép cố định tạm thời. |
| 2 | Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng | <ul style="list-style-type: none"> - Điều trị bằng sóng ngắn và sóng cực ngắn. - Điều trị bằng các dòng điện xung - Tập vận động thụ động - Tập vận động có trợ giúp - Tập vận động chủ động - Lượng giá chức năng người khuyết tật |

Lồng ghép các buổi tập huấn các quy định Pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, An toàn người bệnh, Kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

| STT | Phòng | Nội dung tập huấn |
|-----|--|---|
| 1 | Phòng Tổ chức - Hành chính | Tập huấn quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh |
| 2 | Phòng Điều dưỡng (bao gồm Công tác xã hội) | Tập huấn an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh |

| | | |
|---|--|--|
| 3 | Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ (bao gồm Quản lý chất lượng) | Tập huấn quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề khám bệnh chữa bệnh |
|---|--|--|

2. Thực hành

2.1. Phân công người hướng dẫn

- Người đứng đầu cơ sở hướng dẫn thực hành phân công người hướng dẫn thực hành cho học viên thực hành theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.

- Trường hợp có nhiều người hướng dẫn thực hành cho một học viên thực hành thì phải phân công rõ phạm vi hướng dẫn và thời gian hướng dẫn thực hành cụ thể của từng người hướng dẫn.

2.2. Nhiệm vụ của các khoa lâm sàng và người hướng dẫn thực hành

* Khoa lâm sàng:

- Hướng dẫn nội quy của khoa phòng ngày đầu tiên học viên đến học thực hành tại khoa.

- Phân công Kỹ thuật y Phục hồi chức năng hoặc Bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Phục hồi chức năng hướng dẫn thực hành theo quyết định của Trung tâm Y tế.

- Quản lý học viên trong giờ thực hành, chấm công, chấm trực hàng ngày, hướng dẫn, giám sát học viên thực hành.

- Xây dựng kế hoạch và nội dung hướng dẫn thực hành cho Kỹ thuật y Hình ảnh y học thực hành.

* Người hướng dẫn thực hành:

- Tuân thủ sự phân công hướng dẫn thực hành của Trung tâm Y tế.

- Đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành. Chịu trách nhiệm trong trường hợp học viên thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh do lỗi của người hướng dẫn thực hành.

- Trong trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn người hướng dẫn thực hành được từ chối hướng dẫn thực hành và phải báo cáo người đứng đầu cơ sở hướng dẫn thực hành.

- Theo dõi, đánh giá và nhận xét về kết quả thực hành của học viên thực hành theo nội dung đã được phân công và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình.

2.3. Nhiệm vụ của học viên thực hành

- Tuân thủ nội quy, quy chế chuyên môn của Trung tâm Y tế và khoa thực hành.

- Đảm bảo ngày giờ công, chủ động tích cực học tập, thực hiện đúng quy trình kỹ thuật chuyên môn.

- Đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành, giữ bí mật thông tin của người bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành.

- Thực hiện các nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh. Nộp đầy đủ chi phí thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo thỏa thuận trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh với cơ sở hướng dẫn thực hành.

- Học viên thực hành không được ký đơn thuốc, ký tên trong hồ sơ bệnh án điều trị. Không được tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật khi chưa được người hướng dẫn thực hành cho phép.

- Viết báo cáo kết quả quá trình thực hành, xác nhận của người hướng dẫn thực hành trước khi kết thúc thời gian thực hành tại khoa.

- Mỗi học viên phải chuẩn bị 01 quyển sổ ghi chép đầy đủ nhật ký giảng dạy, kiến thức lâm sàng.

Danh mục kỹ thuật chuyên môn kỹ thuật áp dụng cho Kỹ thuật y Phục hồi chức năng

| STT | DANH MỤC KỸ THUẬT | CHỈ TIÊU |
|------------|-------------------------------------|-----------------|
| 1 | Điều trị bằng sóng ngắn | 50 |
| 2 | Điều trị bằng từ trường | 50 |
| 3 | Điều trị bằng điện xung | 50 |
| 4 | Điều trị bằng siêu âm | 50 |
| 5 | Điều trị bằng tia hồng ngoại | 50 |
| 6 | Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống | 50 |
| 7 | Tập vận động thụ động | 50 |
| 8 | Tập vận động có trợ giúp | 50 |
| 9 | Tập vận động có kháng trở | 50 |
| 10 | Tập với xe đạp tập | 50 |
| 11 | Tập các kiểu thở | 50 |
| 12 | Kỹ thuật kéo nắn trị liệu | 50 |
| 13 | Kỹ thuật xoa bóp vùng | 50 |
| 14 | Kỹ thuật xoa bóp toàn thân | 50 |
| 15 | Điều hợp vận động | 20 |
| 16 | Tập với thang tường | 20 |
| 17 | Tập với ròng rọc | 20 |
| 18 | Tập với dụng cụ quay khớp vai | 20 |

V. Lượng giá học viên thực hành

1. Điều kiện thi kết thúc thời gian thực hành: *Khi đạt đủ 2 điều kiện sau:*

- Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và đi thực hành đầy đủ (mỗi khoa chỉ được phép vắng 1 buổi với lý do phù hợp).
- Đạt trên 70% chỉ tiêu danh mục chỉ tiêu đề ra.

2. Thi lượng giá kết thúc thực hành: Bác thăm bệnh nhân, tiến hành thực hiện trực tiếp trên 01 bệnh nhân tại khoa (vừa đánh giá lý thuyết vừa đánh giá thực hành).

3. Điều kiện hoàn thành thời gian thực hành: Kết quả thi lượng giá kết thúc thực hành ≥ 5 điểm.

Tài liệu tham khảo

- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Chương trình đào tạo ngành: kỹ thuật y phục hồi chức năng của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.